

# AN-LẠC

tạp chí ra ngày 1 và ngày 15  
Tiếng nói của giới Tăng Sinh

*Quản nhiệm*

đại đức THÍCH-THÔNG-BỬU

Tòa soạn : Chùa Quan-thế-Âm 68 Nguyễn-Huệ Phú-Nhuan



— Mục đích người tại gia

★ Thương tọa THÍCH TRÍ QUANG

— Việt nam ân nhân của Mỹ Quốc

★ Đại đức THÍCH THÔNG BỬU

— Câu siêu cho người sống

★ Nhà văn THIẾU SƠN

— Những anh hùng khai quốc chấn bờ

★ Giáo sư NGUYỄN BÌNH TUYẾN

— Quê hương ri máu

★ Thi sĩ THÙY DƯƠNG TỬ

Số 4  
ra ngày  
30-9-1966



— SỐ TRUNG THU —

## Những cây bút thường xuyên AN LẠC tạp chí

### CHU THƯƠNG-TOẠ :

- ✘ THÍCH-THIỆN-HOÀ
- ✘ THÍCH-MINH-CHÂU
- ✘ THÍCH-VIÊN-GIÁC
- ✘ THÍCH-THIỆN-ÂN
- ✘ THÍCH-MÃN-GIÁC
- ✘ THÍCH-ĐỘ-LƯỢNG

### QUÝ ĐẠI ĐỨC :

- \* GIẢI-KINH \* PHÁP-MINH \* ĐỨC-NIỆM
- \* VIÊN-DUNG \* CHƠN-ĐIỀN \* GIÁC-HOÀ

### GIÁO SƯ VĂN THI SĨ :

- NGUYỄN-V-TẠO ● NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC ● THIẾU-SƠN ● NG. QUANG
- TR. -TUẤN-KIỆT ● TRẦN-THƯỢNG-HIỀN ● TRỤ-VỤ ● ĐÔNG-TÙNG
- HỮA-ĐÌNH-ANH ● THẾ-NHÂN ● MINH-HIỀN ● PHƯƠNG-ĐẠI

*và nhiều cây bút danh tiếng cộng tác trên tạp chí An-Lạc.*

### Ban quản trị :

- \* Đại đức THÍCH-THÔNG-BỬU
- \* Đại đức THÍCH-HẠNH-CƠ
- \* Đại đức THÍCH-GIÁC-TUẤN
- \* Đại đức THÍCH-MINH-TRI
- \* Học tăng THÍCH-THIỆN-QUANG
- \* Nhà văn SONG-THU (nữ sĩ)
- \* Giáo sư NGUYỄN-BÌNH-TUYÊN
- \* Thi sĩ THÙY-DƯƠNG-TỬ

tiếng nói của

# AN-LẠC tạp chí

**M**UỐN yên vui đâu phải ngồi chờ người khác mang đến; hơn nữa là trong lúc xương máu đồng loại của chúng ta tuôn đổ, đau khổ đang diễn hành trên khắp hoàn cầu, nhất là Việt Nam. Thế mà cầm quyển sách thấy hai chữ AN-LẠC khó hiểu... AN-LẠC có nghĩa là an vui. Vui cái vui của người khác.

Nhưng làm sao tìm được sự an vui trong lúc này trong lúc mà hơn hai ngàn năm trăm chiếc máy bay các loại của Hoa Kỳ đang ráo riết tung hoành trên nền trời Việt Nam. Quân số chẳng những Việt Nam gia tăng mà tại Hoa Kỳ 50.000 thanh niên cũng phải động viên cho chiến cuộc Việt Nam, con số vĩ đại chưa tìm thấy trong thế chiến thứ hai. Lòng mẹ Việt Nam (cả 2 miền) được hưởng một số bom đạn không lồ. Số bom gần bằng sáu năm đại chiến thứ hai trên cả Châu Âu, thì nay mảnh đất bé nhỏ hứng chịu không đầy một năm.

Dân chúng Việt Nam nhất là ở miền quê bị nghèo đói hơn lúc nào hết còn ở thành thị thì xe du lịch nhiều hơn lúc nào hết, ở miền quê thầy phoi máu ngập nhiều hơn lúc nào hết thì thành phố những

điệu nhạc dâm loạn khiêu vũ càng phát huy nhiều hơn lúc nào hết. Ngoài chiến tuyến anh em binh sĩ mất xác nhiều nhất, thì hậu phương bọn tay sai thực dân cũ, bọn chính khách, bọn gian thương, bọn theo đuôi Mỹ, bọn khai thác chiến tranh, bọn buôn máu người cùng nhau tới tập xây bin đình nhiều nhất, tổ diêm thành những căn nhà sang trọng nhất, mở những bữa tiệc nhảy nhót hoang phí sắm những bộ đồ đắt tiền nhất, uống rượu ngon nhất, chiếu và xem phim khiêu dâm nhất, lập và xông vào các ô ái tình man rợ nhất, chạy áp phe vô liêm sỉ nhất .

Ôi làm sao mà AN LẠC được. Sơ qua một vài yếu tố đã thấy rợn người, khổ đau và tang thương đang trùm phủ, biết bao giờ mới tìm ra AN LẠC

Nhưng không ! Nếu các nhà cách mạng những bậc yêu dân , các vị Bồ-tát hiện thân và nhất là các giới công nông thương sĩ hợp ý đồng tâm cùng với anh em quân nhân nhất tề đứng dậy bắt tay vào việc cứu nước dựng nhà , đừng có ý y , đừng ngồi mà chờ đợi , đừng tin tưởng ngoại bang đừng trông cậy Hoa Kỳ , đừng giao phó cho bọn bù nhìn tay sai và thực dân cũ, cũng đừng tin tưởng vào bọn mặt người lòng thú và đừng chờ đợi đám phản quốc cầu an . Chúng ta quyết **đắp** một con đường

cứu dân dựng nước, thì sao AN LẠC không về với chúng ta .

Chúng ta không là người đánh giặc thuê chúng ta không phải chống cộng cho bọn vong bản, chúng ta không phục dịch cho bọn đặc quyền ý thần cậy thế hiếp đáp chúng ta. chúng chẳng những phản bội dân tộc mà còn phản bội cả ông cha của chúng ta nữa ,

Bọn Lê chiêu thống, Hoàng cao khái, Trần ích Tắc đã tái sanh ;chúng ta phải quét sạch ra ngoài vòng thì chúng ta mới hưởng được niềm AN LẠC .

Chúng ta không làm nô lệ cho ai cả. không lệ thuộc đảng phái tôn giáo, đoàn thể hay cá nhân nào cả, Ta chỉ biết phụng sự chính cho bản thân gia đình dân tộc và nhân loại của chúng ta , được thế là ta hưởng trọn niềm AN LẠC .

Quốc gia Độc lập không làm nô lệ cho bất cứ một nước nào :

Đồng ruộng phì nhiêu ngát thơm hương lúa.

Thành phố rộn rịp kỹ nghệ phát huy.

AN LẠC còn xa nhưng AN LẠC phải đến và nó sẽ đến đang đến với chúng ta.

Vươn lên, vùng lên để giữ và tìm hai chữ AN LẠC.

☆ THÍCH-TRÍ-QUANG ☆

mục đích  
của người  
tạ i gia

**H** IẾU được do ý nghĩa nào và điều kiện gì gọi là một người tại gia thì đã biết được đại cương mục đích của người tại gia rồi. Mục đích ấy thực là một điều mọi người tại gia không thể lơ mờ, vì chẳng có cuộc sống lý tưởng nào mà không có mục đích và sự nhận thức mục đích ấy. Đại cương mục đích của người tại gia, như trên đã nói là Hóa cải sự sinh hoạt của con người và gia đình, xã hội con người. Trước khi mục đích chi thực tế của mục đích nào, điều cần nhất là người ta phải xác nhận đề mà tin tưởng rằng sự sinh hoạt «cần phải hóa cải và có thể hóa cải được».

Ai muốn nói gì thì nói và đưa chủ nghĩa gì ra đề bịp người thì đưa cho ngay đến cả con người đi nữa, có muốn tự lừa dối mình thì lừa dối nhưng thực trạng của cuộc sống vẫn là thực trạng hiển nhiên nhất trong các thực trạng, thực trạng ấy là khổ não. Thực trạng này phủ nhận đi được thì nước mắt và thờ dài đã chẳng có và con người cũng chẳng xuất toàn lực ra chống chọi, thể hệ này kế tiếp thể hệ khác. Nhưng cũng thế hệ này kế tiếp thế hệ khác cuộc sống con người cứ ngập chìm trong khổ não Sanh, lão, bệnh, tử đã làm cho đời người được xem như một quá trình của khổ não rồi, cuộc đời này lại còn ân ái mà phải biệt ly, oán thù mà phải gặp gỡ, mong cầu mà không thỏa mãn, và ngay nơi nội bộ của bản thân những gì mà có nó mới gọi là con người có, nhưng chúng ta thật như—những tên giặc lợi hại bậc nhất, quy tụ lại một nơi và tung hoành nơi ta như tàn phá một làng xóm điêu tàn. Khổ vì mưu sanh khổ bởi lừa đảo. Khổ vì nhục nhã, vì oan ức, vì hàng vạn lý do, hầu như cuộc sống động đến đâu là nguyên nhân của khổ não ở đấy. Sung sướng? Danh từ ấy chỉ có trong khi đau khổ trá hình mà kẻ đương cục không tự biết, mà thôi.

Trước thực trạng khổ não như vậy, có những người thật tình và thiếu can đảm hơn ai hết, trong khi nước mắt họ vẫn ứa ra mà họ lại cười cái cười « lạc quan » đề trước hết tự lừa dối mình được từng nào qua ngày từng ấy, trong cuộc sống khổ não của họ, của mọi người. Họ còn đi xa hơn nữa, họ cười khoái trá trước nước mắt đau đớn của đồng loại, bắt chấp cái hậu quả khổ não cho chính họ, họ sống khoái lạc bằng nỗi khổ não của mọi người. Đó là những người lạc quan. Khác với những kẻ này, có những kẻ trước khổ não chỉ biết cam phận chịu đựng, sống khổ não mà vẫn xuôi dòng theo nguyên nhân gây thêm khổ não. Những kẻ này không thể gọi là gì nữa. Không thể gọi là « bi quan » Danh từ này phải đề giành riêng

cho những người cầu khấn trên trời cao và những kẻ cầu khấn nơi duy vật, vì họ tuy khác nhau đến chông nhau trong quan niệm, tín ngưỡng nhưng thật đều giống như những kẻ mở to mắt ra đi tìm con mắt của mình, cuống lên chỗ này, hoảng lên chỗ khác, mà lại tự gọi là biết hơn ai cả và gây thêm sóng gió nhiều nhất trên bề khổ vô biên của đời người.

Người tại gia không có những thái độ như vậy đâu chỉ là những thái độ tương tự. Việc trước hết đối với thực trạng/ khổ nào là họ phải tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng ấy. Nguyên nhân ấy họ không trao quyền cho thần linh hay đồ lỗi vật chất. Người tại gia xác nhận rằng cái gì của con người là do con người tạo ra... Khổ nào của con người cũng vậy, do hành động của con người mà có. Ai làm tội tình nhau? Ai giết nhau? Ai làm cho nhau đổ nước mắt oán hận và trả thù? Ai? Nếu không phải chỉ con người với con người? Nhưng, những gì đã do con người với con người gây ra thì những cái ấy con người với con người có thể diệt sạch đi được. Hiểu rõ như vậy tức xác nhận rằng khổ nào của cuộc sống là do hành vi mạnh động, hành vi ấy cần phải hóa cải và có thể hóa cải được. Mọi việc đều do con người sắp thì cũng do con người xóa và có thể xóa được để thay vào đó những thứ mà cuộc sống con người cần thiết và mong mỏi, nếu con người can đảm nhận kẻ thù chính của đời mình là khổ nào và quyết chí chiến đấu để diệt trừ khổ nào đó.

Nói tóm lại, hóa cải đời sống bằng cách diệt nguyên nhân của khổ nào, đó là mục đích mà tất cả các tông chức Phật tử đều đeo đuổi trong đó tông chức tại gia là một. Mặt phải của mục đích này, chúng ta cần nói thêm là để làm cho đời sống An-lạc, đồng thời chiều cao của mục đích này chúng ta cần phải nói rõ là muốn làm cho đời sống được giác ngộ và cuối cùng lại đến địa vị vô thượng giác.

Mục đích trên đây, người tại gia nhằm nó một cách thực tế vào con người của mình, vào gia đình và xã hội của mình. Phải làm sao tạo cho mình một nhân cách xứng đáng với danh nghĩa của con người, phải làm sao cho thân nhân (gia đình) và đồng loại (xã hội) của mình cũng như mình, đó là mục đích cơ bản của người tại gia. Mục đích này mà đạt được — và chỉ do mục đích này mà thôi — mới hóa cái được hình thức sinh hoạt của mình thực hiện cho mình, cho cả gia đình và xã hội của mình nữa, một hạnh phúc đúng nghĩa của nó và không bao giờ tan rã, hạnh phúc do diệt trừ nguyên nhân khổ não mà có, chứ không phải cái bánh vẽ của bàn tay tàn ác và gian nguy.

### **Người tại gia phải hiểu Đức Phật**

Ở các tôn giáo khác, một tín đồ chỉ giữ tin đấng giáo chủ mà tuyệt đối không dám tìm hiểu gì về đấng ấy, đó là một tín đồ thuộc gọi là thuần thành bậc nhất. Ở trong Phật pháp lại trái ngược, một tín đồ phải hiểu rõ đức Phật mới bước theo dấu chân của Ngài trên đường giác ngộ. Phải hiểu rõ đức Phật mới là người tại gia đúng danh nghĩa.

Trước khi tìm hiểu về đức Phật, điều cần biết là địa vị của Ngài là địa vị vô thượng, địa vị tuyệt đích của sự giác ngộ nhưng vì vậy địa vị ấy chúng ta cũng có thể đạt đến được. Cái ý niệm làm tín đồ của Phật là xác định rằng ngài là đức Phật đã thành mình là đức Phật sẽ thành. Đức Phật đích thân chứng minh lẽ đó bằng lý do « ai cũng có khả năng giác ngộ (Phật tánh) ». Đức Phật đã thành Phật là vì có khả năng giác ngộ và đã phát huy viên mãn cái khả năng đó. Chúng ta vốn có khả năng đó thì chúng ta cũng có thể làm cái việc phát huy như Ngài. Và Ngài là đức Đạo sư vô thượng lòng tràn đầy từ bi trong sự hướng dẫn công việc đó. Chứ Đức Phật không hề làm cái việc không thể có được đối với lý đoán và thực sự, là làm chúa tể con người và tự cho địa vị mình con người không thể đạt thấu. Hiểu như vậy thì việc tìm

hiếu đức Phật là vừa đề tôn thờ Ngài cho đúng vừa đề làm một gương mẫu tối cao, một mục đích tối hậu cho đời tu học của mình.

— Lịch sử của đức Phật, như ai nấy đều biết đại khái. Ngài tên Tất Đạt Đa hoàng tử của một quốc gia văn vật xưa, thuộc xứ Ấn Độ gọi là Ca-Tỳ-La. Phụ Hoàng là vua Tịnh Phạn, mẫu hậu là bà hoàng Ma-Gia. Khi nhỏ ngài có đủ tất cả tài năng, trí thức và đức hạnh, do đó tạo thành một người phi thường. Nhiệm vụ đối với gia đình cùng dân tộc, Ngài không thiếu. Điều cần nêu cao và nhấn mạnh là vì đau cái đau của người, cười cái cười của người nên Ngài khuyếch đại nhiệm vụ ấy ra, mãnh liệt đứng dậy nhận lấy trách nhiệm tìm cách giải phóng. Đó là lý do mà Ngài xuất gia tu tập và Ngài đã thành công. Có những kẻ bảo việc của Ngài là yếm thế, danh từ yếm thế theo cái nghĩa đen tối trong đầu óc không sáng hơn cái nghĩa ấy của họ. Nhưng lời họ chỉ là tiếng nói của kẻ không dám nhận lấy trách nhiệm như Ngài hay tệ hơn nữa, họ không thể nhận thức được một trách nhiệm như vậy.

Nhưng đức Phật có những gì và làm sao đến địa vị đó? Đó mới là hai điều mà người ta cần biết. Trong kinh nói : gọi là một đức Phật là phải đủ ba điều :

1.— Đoạn đức: Tức diệt sạch tất cả những hiện trạng phát hiện ra ngoài và những động lực tiềm tàng bề trong của những phiền não tham, sân, si ba thứ độc căn gây ra tham tàn, giết chóc mạnh độc.

II.— Trí đức: Tức giác ngộ một cách cùng tột tất cả những hiện tượng riêng biệt và những đặc tánh tương quan của vạn hữu tánh, tướng, dụng không mặc nào không chứng ngộ, tức thể nghiệm được tính cách của vạn hữu, biết rõ được biến thái của hiện tượng và hoặc dụng được năng lực của các pháp.

III.— Ân đức : Tức cứu độ một cách bình đẳng tuyệt đối và phổ biến tất cả các loài chúng sanh, làm cho chúng sanh chuyển mê được ngộ, bỏ ác làm lành để hết khổ được vui.

Đó là ba đức mà do đó cấu tạo nên Đức Phật, một hoàn nhân : một nhân cách hoàn toàn viên mãn. Nhưng ba đức như vậy chỉ là sự biểu hiện toàn thể của khả năng giác ngộ. (Phật tánh) mà ai cũng vốn có. Khả năng ấy, như Đức Phật đã xác định, nó có ba phần :

1) ĐỨC DŨNG : tức năng lực thật hiện đoạn đức, nói một cách khác đoạn đức là sự biểu hiện cụ thể của Đức dũng.

2) ĐỨC TRÍ, tức năng lực thật hiện trí đức, nói một cách khác, trí đức là sự biểu hiện cụ thể của Đức trí.

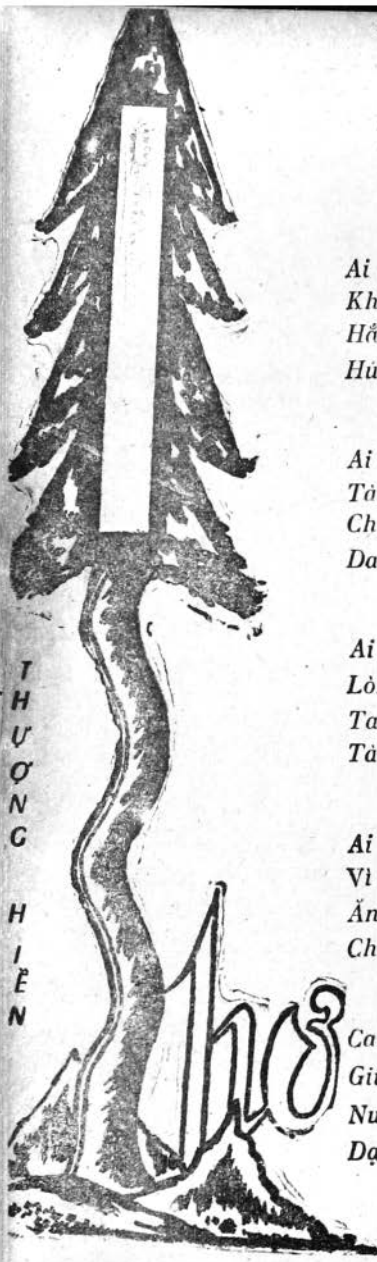
3) ĐỨC BI, tức năng lực thật hiện ân đức, nói một cách khác ân đức là sự biểu hiện cụ thể của Đức bi.

BI TRÍ DŨNG là thành phần của Phật tánh đức Phật đã phát huy đầy đủ Phật tánh ấy, nên được đặt đến địa vị Phật Đà, hoàn thành đoạn đức, trí đức và ân đức. Ngày nay chúng ta bất phân ở trường hợp nào, đã vốn có Phật tánh như Phật, thì cũng có thể phát huy Phật tánh ấy ra mà đạt đến địa vị của Ngài. Chính ý niệm và công việc này mới xác nhận ta là Phật tử, theo Ngài một cách chân chính, đúng như ý muốn của Ngài.

Nhưng ở đây chúng tôi cần giạt lui cái mục đích ấy lại trong mục đích cơ bản của người tại gia. Nghĩa là, nếu chúng ta đặt ra câu hỏi rằng, người tại gia sẽ thực hiện mục đích mong cầu Phật quả bằng cách nào trong bước đầu tiên, thì câu trả lời cũng đã đi theo câu hỏi ấy : Công việc thực hiện ấy, đầu tiên là phải nhằm vào sự hoá cải nhân cách gia đình và xã hội của mình đúng như trong mục đích của người tại gia đã xác định, Đây là cơ bản của địa vị Phật Đà. Cơ bản ấy thiếu mất là mất tất cả.

(còn tiếp)

T  
H  
U  
O  
N  
G  
  
H  
I  
È  
N



## Tôi là thằng ngu

Ai bảo rằng khôn chẳng nhận khôn  
Khôn sao lại bộn quỹ ma ôn  
Hắn khôn toàn những điều khôn lỏi  
Hút máu dân lành ăn lẫn xôn



Ai bảo tôi ngu lỏi chịu ngu  
Tòng lọng không ưa chẳng thích dầu  
Chẳng lòn, chẳng nịnh bên ông lớn  
Danh lợi mà chi lưng bị gù



Ai có nỉ non van tiếng đồn  
Lòng này in khắc một chữ CHON  
Tai luôn nghe tiếng dân kêu cứu  
Tàn bạo hăm he Chi chẳng sồn



Ai bảo rằng thơm tôi nói tanh  
Vì là xương máu của chung sanh  
Ăn như nào khác như ăn ... ?  
Chửi tôi ngu dại cũng cam đành



Cam đành ngu dại dễ tịnh yên  
Giữa bùn mới nở đoá hoàng-liên  
Nước xuôi thuyền ngược ra tay lỏi  
Dại ngu để đoạt một chữ Hiền



# **Phật tử và hạnh bố thí**

**Đ**ẠO PHẬT là Đạo Cứu khổ. Vì thế, những người phát tâm làm tín đồ của đạo Phật thì đến ôm ấp mục đích như nhau : đó là trả rộng lòng từ bi ra, làm hết sức của mình để có thể mang lại niềm vui cho kẻ khác. Người tu hạnh Bồ-Tát, tùy phương tiện, tùy hoàn cảnh, tùy đối tượng đau khổ, có thể thực hành nhiều phương pháp, miễn đem theo lợi ích cho mọi người. Trong các phương pháp đó thì phương pháp bố thí là đặc dụng hơn cả.

Bố thí là một hành động rất quan trọng của Phật tử. Vì quan trọng mà Đức Phật đã xếp Bố-thí là hạnh đứng đầu trong «Lục độ» (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ). Lục độ là sáu đại hạnh của người tu hành Bồ-Tát. Nhờ thực hành trọn vẹn 6 hạnh này mà hành giả có thể tiến đến đạo quả Vô thượng Bồ đề. Trong 6 hạnh đó thì bố thí đứng hàng đầu, vì sao vậy ? Trong khi Ưu-Bà-Tặc, Đức Phật đã giải thích như sau :

— « Khi đã bố thí thì không còn tham lam, nên sau hạnh Bố thí, Như-Lai dạy tu hạnh trì giới ».

Thực vậy người Phật tử thực hành đứng đắn hạnh bố thí thì sẽ không còn tham lam nữa. Mọi tật xấu, mọi tội lỗi có thể nói là đều do lòng tham mà gây nên ; lòng tham đã dứt trừ thì tội lỗi cũng tiêu diệt. Giữ gìn giới luật là cốt khỏi sinh ra tội lỗi. Cho nên, hạnh bố thí mà đã làm được thì hạnh trì giới cũng giữ gìn được dễ dàng. Do đó, trước khi trì giới Phật đã dạy bố thí.

— «Bố thí thì tâm thường hỷ xả, nên sau hạnh bố thí, Như-Lai dạy tu hạnh **nhẫn nhục**».

Thực vậy, khi người Phật tử đã phát tâm bố thí thì tức là muốn dứt trừ sự đau khổ cho người, mong mang lại niềm vui cho người. Muốn được vậy, tâm hồn hành giả luôn luôn vui vẻ trước thuận cảnh cũng như nghịch cảnh. Hành giả sẽ chịu đựng tất cả, bỏ qua tất cả những điều chướng ngại, chỉ cốt làm sao cho người sung sướng. Đó là tính nhẫn nhục của Phật tử. Cho nên đã thực hành hạnh bố thí một cách đứng đắn thì tính nhẫn nhục cũng do đó mà phát sinh. Do đó, Đức Phật đã tu hạnh nhẫn nhục sau hạnh bố thí.

— «Bố thí mà lòng đã ham thích thì không hạn định thời gian, bất luận khi nào cũng bố thí được. Vì vậy, sau hạnh bố thí, Như-Lai dạy tu hạnh **tinh tấn**».

Thực vậy người Phật tử vì lợi lạc cho mọi người nên mới phát tâm bố thí. Nhưng trong thế gian không phải chỉ có một số ít người nào đó bị đau khổ cần bố thí ; mà những kẻ đau khổ nhiều không kể xiết được. Vì vậy người Phật tử thực hành hạnh bố thí một cách trọn vẹn cần phát tâm rộng lớn, làm cho số người được an vui nhiều chừng nào là vui mừng chừng ấy. Muốn được như vậy, hành giả đã cố gắng hết sức mình, bất cứ lúc nào cũng làm việc được mà không phải hạn định thời giờ. Đó là đức tính siêng năng của thành giả do lòng bố thí rộng lớn mà có. Cho nên, Đức Phật đã dạy tu hạnh tinh tấn sau hạnh bố thí.

— « Khi đã phát tâm bồ thí thì chẳng còn nghĩ ngợi điều gì, hơn nữa ngoài công việc bồ thí. Nhờ vậy tâm ý không tán loạn, nên sau hạnh bồ thí, Phật dạy tu hạnh « **thiền định** ».

Thực vậy, khi người Phật tử đã vì lợi lạc cho mọi người mà phát tâm bồ thí thì rất mê thích công việc bồ thí của mình làm. Đã mê thích công việc bồ thí thì ngày đêm chỉ chuyên tâm đến vấn đề bồ thí mà thôi. Hành giả lúc nào cũng lo nghĩ đến những kẻ đau khổ cần giúp đỡ ; nghĩ đến những người tu hạnh bồ thí khác đề tán thán, ủng hộ ; nghĩ đến những cách bồ thí làm cho người ta vui lòng v.v... Khi hoàn toàn đề tâm trí vào hạnh bồ thí như vậy tức là tâm hành giả đã được trụ định vào một nơi, không bị tán loạn. Do đó, Đức Phật đã dạy tu hạnh thiền định sau hạnh bồ thí.

— « Đã bồ thí thì không còn bị những điều vui thích giả dối trong vòng sinh tử lung lạc, nên sau hạnh bồ thí, Phật dạy tu hạnh « **trí tuệ** ».

Thực vậy, khi người Phật tử đã vì lợi lạc cho chúng sinh mà phát tâm bồ thí thì chỉ vui thích về công việc bồ thí của mình, iòng chỉ mong làm tròn hạnh nguyện chính đáng của mình. Nếu có một cuộc vui bất chính nào quyến rũ, làm xao nhãng công việc bồ thí, thì họ tức khắc chế ngự ngay. Hành giả khi đã chế ngự được dục lạc quyến rũ tức là tâm trí hoàn toàn sáng suốt, và đó tức là trí tuệ của bậc Bồ-tát. Do đó, Phật đã dạy hạnh trí tuệ sau hạnh bồ thí.

Xem như trên chúng ta thấy, hạnh bồ thí thật là quan trọng. Nó chẳng những được xếp hàng đầu trong « **lục độ** » mà còn liên hệ rất mật thiết với 5 hạnh kia. Người đã thực hành bồ thí đúng với ý nghĩa của nó thì cả 5 hạnh kia cũng do đó mà phát sinh dễ dàng.

Nhưng người tu hạnh bồ-tát, khi bồ thí không phải chỉ đem tiền của, vật dụng mà giúp đỡ người mà thôi, trái lại, hành giả

lầu luôn tùy hoàn cảnh, tùy đối tượng, mà có nhiều phương tiện dùng để bố thí. Đại khái, những phương tiện này chia ra làm 3 loại:

1.— TIỀN CỦA: Tiền của gọi là « tài thí », tiếng-chỉ chung cho tất cả những phương tiện vật chất như tiền bạc, nhà cửa, thuốc men, cơm áo v.v... có thể giúp đỡ kẻ cùng khó khỏi bị đói lạnh, bệnh tật, nghèo túng v.v... Thậm chí, những việc nhỏ như xâu kim hộ cho một bà già, giặt áo cho một người bệnh hoạn, chỉ đường cho một khách tha phương, dạy một nghề cho người, cho người tự nuôi sống, cứu một con kiến bị chìm; hay những việc lớn khó làm như đem hy sinh cả tài sản, sự nghiệp hoặc thân mạng mình để mưu cầu lợi ích cho kẻ khác... đều thuộc về « tài thí » cả.

2— GIÁO PHÁP: Giáo pháp gọi là « pháp thí », tức là đem những giáo lý của Phật đã dạy mà dạy lại cho người, cốt khuyên người tu thiện cầu giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Mục đích cao cả của Đạo Phật là giáo hóa cho tất cả mọi người đều tu theo Đạo Chính, dứt trừ tội ác siêng năng làm lành để tạo một xã hội tốt đẹp trong hiện tại và cầu giải thoát cảnh đau khổ tương lai. Người Phật tử thấy người khác vì tham lam, giận dữ, tối tăm mà đời tính tình, để trở thành người tốt. Phật dạy rằng: « Ngu si là căn bản của mọi tội lỗi, trí tuệ là gốc rễ của muôn hạnh lành ». Giáo pháp của Phật là phương tiện duy nhất để diệt trừ ngu si, tăng trưởng trí tuệ. Giáo pháp của Phật là phương tiện diệt trừ đau khổ thần hiệu nhất; và chỉ có Phật pháp mới mang Giác ngộ đến cho chúng sinh. Vì vậy « pháp thí » là vấn đề rất quan trọng của mọi người Phật tử.

3— KHÔNG SỢ: Không sợ gọi là « vô-úy-thí » tức là bằng mọi cách, chúng ta làm cho người ta không hoang man, không sợ sệt, không hốt hoảng trước bất cứ một việc gì. Người ta có thể lo sợ đối với ông không người nương tựa, tương lai mờ mịt... Nhưng ta có thể sợ

hải trước một uy quyền áp bức, trước một sức mạnh bạo tàn... Người ta có thể bị hoảng hốt, lo lắng trong những cơn bệnh hoạn, hoặc những lúc bị tai nạn, thương tích v.v... Tất cả những trường hợp đó, người Phật tử có thể dùng sức lực để bảo vệ, dùng lời lẽ khéo léo để an ủi, vỗ về, cốt sao giúp cho tâm thần họ được bình tĩnh, sáng suốt, vui tươi không lo lắng, sợ hãi, không hoảng hốt kinh hoàng. Đó cũng là những việc làm lợi ích cho mọi người.

Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí đều là lợi khí diệt trừ đau khổ, đem lại an vui (cả vật chất lẫn tinh thần) cho chúng sinh. Vì vậy, đa số Phật tử thì không thể không thực hành bố thí được. Nhưng trong khi thực hành thì cần phải biết rõ đối tượng để tùy cơ mà dùng phương tiện giúp đỡ. Và dù ở trong trường hợp nào đi nữa, người Phật tử nên thực hành hạnh nguyện đó một cách vô tư và bình đẳng; nghĩa là không phân biệt kẻ oán người thân, không mong cầu được trả ân, không nghĩ đến quả báo, không kiêu căng hành diện.

## HẠNH CƠ

### CHUYỆN VUI NHI ĐỒNG

**Chim Sơn ca hỏi Sư tử con :** Sao Ba mày độ này không còn gặm thét như mấy hôm. Chắc tại ăn xôi dính răng...chứ xương trắng máu đào vẫn còn mỵ lệ nóng nữa !...

**Sư tử con đáp :** Trật lất—Ba tôi ngậm đồ la không nói được chữ bố bõ...

Đ  
A  
I  
★  
Đ  
Ứ  
C  
★  
T  
H  
ÔNG  
NG  
G  
★  
B  
Ứ  
U

**Việt Nam**  
*Ân nhân*  
**của Mỹ quốc**

(tiếp theo va hát)

**T** A I sao bài số 1 chúng tôi đề cập người Mỹ là lái buôn còn chúng ta là những người mại, mà bài số ba chúng tôi lại ví Mỹ quốc có nhà lá một trăm căn, còn VN lại có một căn nhà đúc ba bốn tầng. Xin quý vị nghiên cứu kỹ hai số báo vừa qua và đừng hiểu theo nghĩa những căn nhà này cất bằng xi măng, tranh, lá hay gạch ngói và tại sao tôi dám mạnh dạn nói VN là ân nhân của Mỹ quốc, Đúng như vậy! Xin anh em quân nhân Mỹ, dân chúng Mỹ và những người Mỹ, bình tĩnh xem chúng tôi trình bày có đúng phần nào hay không. Nếu chúng tôi trình bày không đúng, thì quý vị mới phản đối chúng tôi.

— Theo chúng tôi đã trình bày phần mở đề trong hai số báo trước Mỹ mang tiền và mang quân sang giúp VN là một lẽ còn VN là ân nhân của Mỹ lại là lẽ khác và chúng tôi quả quyết rằng : VN là ân nhân của Mỹ quốc. Bởi vì bà mẹ VN chúng tôi có sanh hai cô công chúa

đẹp tuyệt vời, đẹp đứng vào hạng thứ nhì và thứ ba trên hoàn cầu. Người Mỹ, Dân tộc Mỹ đang gờ găm thêm muốn hai nàng nếu chúng tôi thừa với mẹ chúng tôi không gả hai nàng ấy cho Mỹ quốc thì liệu Mỹ quốc có còn đủ sức lực, dương oai, diệu võ với đối phương hay không? Và chẳng những không đủ sức dương oai diệu võ mà còn bị đối phương đem cờ cắm trên đỉnh ngũ giác đài nữa là khác.

Quý vị muốn hiểu rõ điểm này xin cùng với chúng tôi lật bản đồ quốc tế ra nếu có bản đồ kiều địa cầu bằng nhựa, loại tròn dẹt bản càng tốt. Quý vị hãy thử gạch một đường thẳng từ Hoa kỳ sang Á châu xem đường thẳng ấy nó gặp đâu và nó đi ngang qua những nơi nào? Chúng tôi đã trình bày những số trước nhiều rồi, nghĩa là vẽ sự đi trên trời thì ngang nhau, đi ở đất liền thì Mỹ ít sī số hơn, nhưng nói đi dưới nước thì Mỹ hơn gấp bội. Vì thế nên xem bản đồ quý vị

phải nghĩ ngay đường biển. Đường biển hiện tại người Mỹ đang dương vai diệu võ ở các đại dương, nhất là Thái bình Dương là nơi quan trọng nhất, kè cả hai khối; khối Vô sản cũng đang chuẩn bị đóng tàu đội xuống biển mà quyết một mắt một còn với khối Tư bản, còn khối tư bản thì hạm đội thứ bẩy cứ ở mặt biển Thái bình Dương mãi hay sao ở dưới ăn cá như rái à! hay ở đây đang chờ ngày khối Vô sản lội xuống nước. Không bao giờ khối Tư bản lại đại đột như thế. Vì ở đây này nên chúng tôi dám vỗ ngực hô to VN là ân nhân của Mỹ quốc. Vì bà mẹ VN chúng tôi sanh hai nàng con gái đẹp tuyệt trần, một nàng tên là HỒNG THỊ HẠ LONG với một nét đẹp diễm kiều, đẹp cái đẹp của thiên nhiên chứ không phải cái đẹp man rợ, hay cái đẹp viễn vông ngông cuồng như Thúy kiều của cụ Nguyễn Du. cái đẹp của nàng Hồng thị hạ Long dù Mỹ quốc có bỏ ra hàng trăm triệu tỷ Đôla, cũng chưa chắc xin cưới được hay dù

có nhờ mai mối khéo léo cách nào cũng không toại nguyện được

Thường tình văn chương chỉ tả cái đẹp giá đáng ngàn vàng nhưng ở đây! công chúa VN, nàng Hồng thị Hạ Long, giá mà đem triệu triệu tỷ tỷ ký vàng cũng chưa xứng đáng. Vì thế nên suốt mười năm trời, Mỹ đã đổ bao nhiêu của tiền giúp Pháp với một mục đích mê nàng Hồng thị Hạ Long mà thôi, nhưng không được, người Pháp thua trận, người Mỹ đánh ngời đặng xa liếc nhìn và tiếc rẻ. Mắt nàng Hồng thị Hạ Long; người Mỹ thăm nghĩ rằng: VN đến hai nàng công chúa đẹp, nếu chẳng được Hồng thị Hạ Long thì còn một nàng nữa cũng không kém phần duyên dáng vì thế nên người Mỹ đổ ra hàng chục triệu hàng trăm tỷ Mỹ kim, giúp Ngô đình Diệm với mục đích là sẽ thành một nghĩa tế của VN, quyết yêu cho bằng được cô gái út Việt Nam, mặc dù cô này có vẻ quê mùa chất phác, song nét đẹp còn hơn người chị và nếu

người Mỹ cười được có lẽ, sẽ độc quyền làm rề, chứ không có đệ tam nhân hay tứ ngũ nhân nào xen vào, như nàng Hồng thị Hạ Long Tên cô gái út cũng không vẫn chương như tên chị, Nhưng thêm mười năm trường, thời gian làm rề dài đằng đẵng tồn của tống cồng mà cũng không được cùng nàng âu yếm, người Mỹ năn chí muốn bỏ, nhưng bỏ không đành vì đâu phải yêu đương như những cặp trai gái thường tình mà để bỏ nó là cả một sự sống còn và vinh dự của một dân tộc không thể nào bỏ được, Nhưng ôi ! sao mà khó khăn và kín cồng cao tường lắm vậy hỡi người đẹp Nguyễn thị Cam Ranh.

Đang chán nản thì đùng một cái, tin mừng đưa đến : nàng Nguyễn thị Cam Ranh chịu ưng ! thế là một tin mừng tốt đỉnh. Nhưng khoan đã Xem có hôn thư giá thú chưa, hay là hôn thư giá thú giả là nguy và hôn thư giá thú phải có người làm chúng phải được sự đồng ý của

phụ mẫu đôi bên, chứ chỉ có ông lý trưởng hay ông làng là chưa đủ yếu tố đấy nhé !

Sở dĩ chúng tôi nói xa xuôi cho có văn chương chút xíu thôi, chứ thật ra nhìn bản đồ thì biết, quốc tế có ba hải cảng quan trọng nhất (về mặt quân sự) nhưng một nằm ở khối Trung lập, còn 2 điều ở VN và tại sao tôi lại đặt họ Hồng cho Vịnh Hạ Long là vì : Sử Việt chép từ đời họ Hồng Bàng đầy đủ, hơn nữa thường gọi con Hồng cháu Lạc, còn Vịnh Cam Ranh phải đặt họ Nguyễn là vì chúa Nguyễn Hoàng mở mang đất miền nam, bản đồ VN thêm vịnh Cam Ranh từ thời đó. Và người Mỹ muốn chống với khối Vô sản thì phải cần có căn cứ quân sự nhưng căn cứ quân sự đất liền ở Á Châu này, thì khối Vô sản nhiều hơn, Người Mỹ lâu nay phân nhiều năm ở hạm đội thứ bảy. Giai đoạn quyết liệt người Mỹ muốn một là chiến hai là hòa, chiến là chiến đến quyết liệt, còn hòa thì phải hòa

trong tình hữu nghị, nghĩa là vịnh dự cả đôi bên, nhưng hai bên không chịu đàm hòa, đành buộc phải đi đến chỗ chiến quyết liệt. Thế là người Mỹ phải bước lên bờ đánh thẳng vào lục địa, nhưng cập bến ở đâu đây đề mà bước vào lục địa các loại tàu ngầm tàu lặn, tàu thủy và cả hạm đội muốn cho bảo đảm về mọi mặt nhất là về việc bảo to gió lớn. Đành rằng VN và quốc tế rất nhiều vịnh, nhưng vịnh nào cũng kém phần an toàn, và cạn hoặc có nhiều đá ở đáy nước, trở ngại cho tàu ngầm tàu thủy Duy chỉ có Vịnh Cam Ranh và vịnh Bắc Việt (tức là vịnh Hạ Long) Vịnh Hạ Long đẹp hơn, rộng hơn nhưng an toàn thua vịnh Cam Ranh (phần này các vị hàng hải biết rõ hơn) vì thế nên khối tư bản muốn bảo vệ phần đất của mình thì phải có nơi trú chân đề chuẩn bị bước lên đất liền mà nói chuyện hòa hay chiến với khối Vô sản, chứ ở dưới nước nói với ai. Bởi vậy nên chúng tôi nói rằng khối tư bản nhất là Mỹ quốc,

là người có một trăm căn nhà lá, còn VN thì có một căn nhà dúc; sao thế. Tại vì VN là nơi đề cho Mỹ xây hồ nước chứa cho một trăm căn nhà lá khỏi bị cháy. VN có vịnh Cam Ranh và vịnh Hạ Long, nếu VN không cho người Mỹ đặt chân đến thì làm sao người Mỹ có thể đủ sức mạnh mà đề phòng hoặc chống lại với khối Vô sản. Đợi một ngày nào đó khối Vô sản có đủ tiền sẽ đóng rất nhiều tàu ngầm, chiến hạm, thả xuống biển, thì lúc ấy có phải là lửa sẽ cháy đến một trăm căn nhà lá kia không. Tuy nhà lá, song một trăm căn nhiều tiền hơn một căn nhà dúc. VN vốn đã nghèo và đầu óc của dân tộc VN bị bốn ngàn năm Tàu đô hộ, ai cũng đã chán ngấy cái cảnh làm thẳng dân mắt nước rồi, Dù khối vô sản do Nga và Bắc Kinh có tốt như Ngài Sĩ Nhiếp ngày xưa đi nữa thì VN cũng không mong và VN cũng chẳng muốn vì thế nên chúng tôi dám quả quyết nói rằng: VN là VN chứ VN không của ai cả, và VN là

Rồng tiên, chứ không phải T.B, VS gì hết cả. Bởi tại xã hội có giàu có nghèo, hai giai cấp chênh lệch nhau mới phân chia Tư bản, vô sản. Chứ VN của chúng tôi hơn bốn ngàn năm văn hiến không có phân biệt giai cấp nghèo giàu, Tở tiên chúng tôi lịch sử từng chứng minh: Vua Lê đã cởi áo Cầm bào cho người tù và nhiều vị vua khác đã xem người nghèo như con ruột, nhiều người giàu sang khác đã mở kho lẫm chân thí cho người nghèo, muốn chứng minh một cách cụ thể hơn nữa thì hãy nhìn lối ăn, của VN—ví dụ nhà có 4 người bữa cơm dọn chỉ bốn người ăn, nhưng bắt ngờ hai người khách đến, cũng mời vào bữa và vẫn đủ ăn như thường, chia cơm là thế nên. tục ngữ VN mới có câu : « thêm dưa thêm bát, chứ có thêm nôi thêm niêu đâu mà ngại » tính thảo ăn và tính bình đẳng của người VN ở chỗ đó. Một ví dụ thứ hai tại Hà tiên VN chúng tôi, nếu có kẻ nào lạ mặt đi trong

xứ Hà tiên mà mặt một cái áo rách thì sau 24 tiếng đồng hồ sẽ có một cái áo mới bay đến cho người áo rách kia, nhường áo là thế. Dân tộc tính Việt nam không bao giờ biết phân biệt da đen da vàng hay da trắng và dân tộc VN không có trường học dành riêng cho hàng thượng đẳng và số người hạ cấp không phải bị học trường riêng. Vì thế cho nên dân tộc VN chúng tôi không bao giờ có tư bản và vô sản cũng không bao giờ có đế quốc hay Cộng sản cả, và dẫu có đi chăng, chỉ vì hoàn cảnh nào đó đưa đẩy nhất thời mà thôi. Chứ thực sự VN là VN, chứ không là CS không là TB vì thế nên chủ thuyết CS khó tồn tại ở trên mảnh đất chữ S và khó luân lưu trong huyết quản của giòng giống rồng tiên, cho nên chúng tôi mới quả quyết nói rằng VN là căn nhà đức « Ngôi nhà tinh thần đã đức lửa CS, lửa tư bản khó cháy ngôi nhà VN chúng tôi.

Trái lại Mỹ và các quốc gia khác

Âu mỹ thì cha mẹ đến nhà con nếu không báo trước đành nhìn dói Người Mỹ vào quán ăn chung một bàn 5 người ăn xong phân ai nấy rớt anh A uống chai Lave không hết bỏ túi mang về, mặc dù anh B ngồi bên nhìn thềm, trường học chia làm hai, nghèo học theo nghèo, giàu học theo giàu, dân da trắng dân da đen phải phân biệt, nói chung là sự bất công đang diễn hành rất mạnh ở Âu mỹ, mà hề chỗ nào nhiều bất công là có tranh đấu giai cấp và bất công chính là môi cho lửa Cộng Sản phát cháy. Trăm căn nhà lá là thế, vì Mỹ quốc còn hàng trăm sự bất công, thuyết CS sẽ dựa theo trên sự bất công mà thành trưởng. Bằng chứng cụ thể ở Nam Mỹ ở Pháp ở LM... Cộng sản rất nhiều.

## *Kết luận*

❶ Nếu người Mỹ sợ CS cấm cò ở óc tòa Bạch Cung thì nên noi

lối xử thế, tâm bình <sup>dàng</sup> lòng vị tha của người VN.

● Chấm dứt những bất công giữa giai cấp vì loài người máu cùng đỏ và đừng bao giờ phân biệt màu da hay chủng tộc.

● Hãy xem VN là Ân Nhân của Mỹ quốc, bằng trái lại dân tộc VN quyết không bao giờ gả hai nàng công chúa Hạ Long và Cam Ranh cho các người dù là với tánh cách tạm bợ.

● Người VN cũng đừng nên tự tin quá lè và cũng đừng bao giờ thù oán người Mỹ làm gì vô ích vì ta là dân tộc đàn anh có hơn bốn ngàn năm văn hiến và đã là một kẻ ăn nhân kia mà ; nhưng nhớ là phải giữ giềng mối cùng thể thống của giống giống Rồng tiên.

● Việt Nam là Việt Nam, dù không là CS, không là Tư bản gì cả Chỉ sợ nơi nào còn quá nhiều là

công thì nơi ấy, chính là mồi cho  
lừa CS dễ lan tràn.

● Chúng tôi hùng mạnh hồ to  
Việt Nam là ân nhân của Mỹ quốc

và nguyện làm tấm gương bình  
dạng cho các nước noi theo.

----- **ĐÓN XEM** -----  
Thuyết cộng sản chưa xứng  
đáng làm đồ đệ . . . . .



# Cầu siêu cho người Sống

● THIẾU SƠN  
\*\*\*\*\*

MỖI năm người Nhật lấy ngày 7 tháng 8 làm ngày kỷ niệm cho một niềm đau thương bất tận. Không những đối với dân tộc Nhật mà còn đối với toàn thể loài người. Họ kỷ niệm những trái bom nguyên tử đầu tiên trút xuống hai thành phố Quang Đảo và Trường Kỳ. Chiến tranh luôn luôn tàn khốc nhưng từ khai thiên lập địa đến giờ chưa có thứ khí giới nào trong khoảng khắc có thể tiêu diệt được cả mấy trăm ngàn người và còn có sức hủy diệt sự sống hàng mấy chục năm về sau nữa. So với tổng số thiệt hại Nhật trong cuộc thế chiến thứ hai thì số nạn nhân ở hai thành phố nói trên cũng không lớn lao gì cho lắm. Nhưng điều đáng phàn nàn là phần nhiều họ là những thường dân vô tội. Đáng phàn nàn hơn hết là sao loài người lại có thể tàn ác như thế đối với đồng loại của mình. Bởi thế nên ngày quốc hận của Nhật Bản nay đã biến thành ngày lên án vũ khí nguyên tử, chống chiến tranh và bảo vệ Hòa bình. Ngày đó không những ở Nhật mà ở khắp nơi trên thế giới đều có những cuộc biểu tình vì đòi nhằm những mục tiêu nói trên.

Những nay, ngày đó trùng với ngày tổng thống Johnson làm lễ vu quy cho ái nữ. Nhưng ủy ban Hòa bình ở Mỹ quốc đã yêu cầu Tổng thống dời ngày vui của gia đình ngài qua một ngày khác vì không lẽ lại lấy mấy trái bom nguyên tử của Mỹ làm quà cưới cho tân lang và tân giai nhân.

Cố nhiên là tổng thống Johnson không thể chịu theo ý muốn của mấy ông Hòa Bình được. Nhưng dù sao Ngài cũng không được trọn vui khi phải cử hành đám cưới trong một ngày tang tóc của loài người.

Tôi được đọc một bài báo nói về những nỗi băn khoăn của Tổng thống Roosevelt khi người ta báo cáo cho ông hay rằng cần phải liệng bom nguyên tử xuống nước Nhật để mau kết thúc chiến tranh. Lúc đó Hoa-Kỳ còn giữ được quyền về khí giới nguyên tử và với sức tàn phá của thứ vũ khí này không nước nào có sức chịu đựng nổi. Nhưng ông không nỡ ra lệnh cho đội bom nguyên tử xuống Nhật liền khi đó. Ông đề nghị cho một phái đoàn Nhật tới chứng kiến một cuộc dội bom ở một nơi hoang vắng. Ông hy vọng rằng những người được chứng kiến sức mạnh tàn phá của loại vũ khí này sẽ về báo cáo cho chính phủ Nhật hay để họ chịu thua và xin đầu hàng vô điều kiện. Không ngờ một người nhân hậu như tổng thống Roosevelt lại không được sống lâu thêm nữa để thực hiện ý đồ của ông. Phó tổng thống Truman lên thay thế chỉ thấy vấn đề qua khía cạnh quân sự mà thôi nên mới có những trái bom nguyên tử xuống Quang Đảo và Trường Kỳ. Chính những quân nhân được lệnh làm những việc nói trên cũng không hề họ sẽ làm những công tác lịch sử. Họ chỉ tưởng rằng họ thi hành những nhiệm vụ thông thường có phá hủy một số nhà có giết hại một số người thì bất quá chỉ là chuyện phải có trong mọi cuộc chiến tranh.

Nhưng sau khi thi hành nhiệm vụ họ được chứng kiến những cảnh hoang tàn và chết chóc khủng khiếp chưa từng có trong lịch sử

chiến tranh họ đâm ra hoảng hốt và lấy làm hối tiếc vô cùng. Phải họ biết trước thì họ đã nhất định không chịu làm thì họ là một tội ác không thể tha thứ được. Thì họ chịu đủ thứ hình phạt còn hơn là bắt họ phải giết hàng loạt cả trăm ngàn sanh linh. Bởi thế nên sau đó có một anh thác loạn tinh thần mà người ta nói anh mắc chứng điên. Còn một anh nữa xin giải ngũ và trở thành tu sĩ, mỗi ngày đọc kinh cầu nguyện để chuộc tội, những tội ác tày trời.

Nhà triết học Berhand Russell đã nghiên cứu rất kỹ về trường hợp của anh lính điên và đã nói : « Lương tâm nó còn sống nên cần rút nó và nó không được sống bình thân. Người ta cho nó là điên. Còn Truman không điên vì lương tâm đã chết. »

Lời phê bình có phần quá đáng nhưng đã hiển lộ được tất cả cái nhiệt tình của những con người lương thiện. Chính ông Berhand Russell đã tuyên bố ông không theo một tôn giáo nào, nhưng nếu phải lựa một tôn giáo để theo thì ông sẽ lựa Phật Giáo! Vậy tức là ông đã có một Bồ đề tâm cũng như phần nhiều người trong nhân loại không muốn sát sanh và cũng không muốn tự sát.

oOo

Bây giờ vô khí nguyên tử không còn phải là độc quyền của một nước nào thì cũng không có nước nào được cho mình là bá chủ thế giới. Nhưng thực tế đã cho các ông thấy rằng các ông không thể làm được chuyện đó và rồi sẽ còn có nhiều nước có thứ bừa bối của các ông. Thế giới chia hai còn không được làm sao có thể chia ba, chia bốn được? Bởi vì nước nào cũng muốn có đời sống quốc gia của họ. Bởi vì không muốn nước nào muốn lệ thuộc ngoại bang. Bởi vì chủ nghĩa thực dân đã lỗi thời. Và vô khí nguyên tử lại cũng không thể làm sống lại những gì đã lỗi thời.

Từ khi đã bỏ mất độc quyền nguyên tử, người ta tuyên bố vũ khí nguyên tử chỉ còn là một thứ vũ khí để cản ngăn (arme de dissuasion) nghĩa là người ta không dùng nó để tấn công ai nhưng người ta dùng nó để嚇 dọa. : « Nếu mày không thối lui thì tao liệng. » « Nhưng nếu mày biết điều thì phải chịu cho tao làm cha mày. »

Thật ra đã có hai lần vũ khí nguyên tử ngăn cản được chiến tranh. Lần thứ nhất Anh-Pháp rần rộ kéo quân qua chiếm kinh Suer và uy hiếp Ai-cập thì quân đội do Thái kéo ra « ăn cỏ ». Nga dợ bừ bởi buộc Anh-Pháp rút lui. Mỹ cũng xen vô đóng vai nghĩa hiệp. Thế là vũ khí nguyên tử đã ngăn cản được chiến tranh.

Lần thứ hai là vụ khủng hoảng Cuba. Hai anh chị bự, một đảng thì muốn tấn công Cuba, một đảng thì muốn bảo vệ Cuba. Nhưng Cuba chỉ là một con muỗi không lý gì một con muỗi mà hai con cạp phải cẩu xé nhau phải chi không có vũ khí nguyên tử thì họ đã đụng độ với nhau rồi. Nhưng chẳng lẽ có mà không dùng, mà dùng thì nguy hiểm lắm, không những chỉ nguy hiểm ở chiến trường mà nguy hiểm ngay trên đất nước với bao nhiêu sanh mạng và tài sản của hai ông bá chủ.

Một lần nữa, vũ khí nguyên tử đã ngăn cản được chiến tranh. Nhưng lần này không phải là nó đã dọa nạt cho đối phương phải sợ mà chính là nó dọa nạt chủ nó phải thối lui. Cả hai cạp đều muốn giết chết nhau nhưng không cạp nào muốn tự sát.

oOo

Thứ hòa bình kiểu hèn dầy trước kia người ta gọi là hòa bình võ trang (paix armée) bây giờ người ta có thể gọi là hòa bình nguyên tử, hay chiến tranh lạnh thì cũng thế mà thôi. Nhưng tự trung đều không phải là thứ hòa bình mà chúng ta mong đợi. Cái hòa bình lý tưởng nhất đẹp nhất vẫn là hòa bình của tình thương, trong nhân đạo, không có

sự khoa trương thô bạo của vũ khí, không có mặc cảm tự tôn của kẻ mạnh, không có mặc cảm tự ti của người yếu. Mạnh, yếu, giàu, nghèo không phải là căn bản của loài người. Căn bản của loài người là phải biết yêu sự sống và kính trọng sự sống của kẻ khác để cùng chung sống với nhau và cùng tô điểm cho trái đất này thành một cõi thiên đường của hạ giới mà hết thảy đều là anh em không phân biệt giai cấp và màu da đúng theo quan điểm của Đức Phật và đúng theo ý muốn của chúa Jésus.

Tháng này là tháng cầu siêu cho vong hồn những người chết nhưng cũng là dịp cho người sống phải cầu siêu cho mình để tự giải thoát khỏi những trạng thái tinh thần như trạng thái người quân nhân Mỹ đa vô tình làm nên tội ác đối với đồng loại của mình ở trên đất Phù Tang.

Anh vô tình mà anh còn biết sám hối thì những kẻ cố tình càng nên sám hối nhiều hơn.

Có thể loài người mới tìm lại được sự khôn ngoan của mình để kiến tạo một nền hòa bình tốt đẹp và vĩnh cửu.

T.S

---

Phật Giáo vui cái vui của kẻ khác. Nếu ai chỉ biết vui cho riêng mình thì đừng xưng là con của Phật

---

# những anh hùng khai quốc chăn bò...



★ G.S. NGUYỄN BÌNH TUYẾN

**N**HÂN được đọc bài : Thử bàn về một hiến thuyết của nền Đệ nhị Cộng hòa Việt Nam của Luật khoa tiến sĩ Đào quang Huy, đăng trên báo Chính Luận trong 2 ngày 10 và 11 tháng 9dl 1966, Chúng tôi nhận thấy tác giả đã trình bày với tất cả tâm huyết một người ưu thời mẫn thế, đứng trước thế nước ngà nghiêng, đưa ra những lập luận thật là xác đáng. Chỉ đáng tiếc một vài chỗ (dân chi phụ mẫu : Cha mẹ của dân, và phụ mẫu chi dân : dân của cha mẹ) tác giả hơi quá dài dòng phê phán, còn thì mỗi câu văn, mỗi lời nói đều là đáng khuyên, những khuyên son đỏ chói, nếu chúng ta chăm vấn theo lối các cụ ngày xưa, và nếu chăm theo kiểu bây giờ thì từ trên chí dưới chỗ nào chúng ta cũng phải phê ưu hay bình. Xem văn hiểu được người, và biết được lòng tác giả, và dù xa muốn dặm, không thề không đề lời khen tặng... Duy ở đoạn dưới có một câu thật là ngộ nghĩnh và thật là khó hiểu, chúng tôi xin mạn phép đưa ra đề cùng nhau đàm luận :

« *Tinh thần khai quốc của những anh hùng chặn bò bị quăng đại quần chúng Việt Nam gắn cho một ý nghĩa kể cận với danh từ du đảng* »

Đọc đi đọc lại mãi không hiểu Đào Quân nói gì, tại làm sao có cái danh từ chặn bò !!! Nghe hai cái danh từ chặn bò để hình dung một vị anh hùng khai quốc thấy nó cũng ngô nghê làm sao !!! Cờ nhân dùng danh từ mục tử, mục đồng, để trở mấy đứa chăn trâu, nhưng ít ai dùng danh từ mục tử anh hùng, mục đồng anh hùng, nhất là đây tác giả lại viết rõ ràng mực đen giấy trắng: *Những anh hùng khai quốc chặn bò*. Thật là những chữ mới lạ khó hiểu. Thà rằng tác giả viết: Những anh hùng khai quốc xuất thân từ đứa chặn bò, thì lịch sử Việt Nam hay Trung quốc đã có nhiều vị anh hùng xuất thân như vậy: Khương tử Nha là một ông lão đi câu, Phàn Khoái là một anh chàng bán thịt, và ngay lịch sử nước nhà Đinh bộ Lĩnh, lấy lau làm cờ, lấy trâu làm ngựa, cũng xuất thân là đứa chặn trâu rồi làm nên sự nghiệp vạn thắng, thống nhất sơn hà, thì có sao đâu. Vả chẳng những kẻ làm nên sự nghiệp phi thường mấy ai đã thoát khỏi cảnh hàn vi cơ cực.

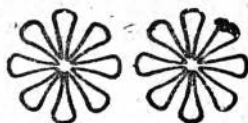
« Sự khừ anh hùng ăm hạn đa » là như vậy, hẳn tác giả thừa hiểu... Nhưng đây tác giả cố ý viết: *Những anh hùng khai quốc chặn bò*. Hai chữ chặn bò đây phải là những hình dung từ mới lạ. Có lẽ vì là người tân học, tác giả tuy trong bài thì nâng cao giá trị của chính trị cổ nhân, xong có lẽ khi dùng chữ, hay thích những chữ độc đáo, tài kỳ, và hai chữ chặn bò đây có lẽ là hai chữ cow-boy của Tây phương dịch ra chẳng ! Nói tới cow-boy, thì người ta phải nghĩ tới những anh chàng chặn bò Mỹ.

Chặn bò Mỹ, khác với mục đồng hay mục tử Việt Nam xa lắm. Chàng mục đồng Việt Nam thường thường chỉ chăm độ năm ba con trâu bắt

bò là nhiều. Sống cuộc đời lạng lẽ sớm ngày, chín mười giờ sáng mới dắt trâu ra đồng, đưa trâu đi tìm những bãi cỏ non, rồi chiều đến, thúng thặng đưa trâu về, có khi vừa chăn trâu vừa thổi sáo. Cuộc đời nhàn hạ, không có một chút gì vất vả, không phải tranh dành đánh đấm ai. Và trẻ chăn trâu chỉ là những đứa trẻ tuổi từ 11, 12 đến 15 là cùng vô tư lự, có thể vừa chăn trâu vừa học bài... Trẻ chăn trâu có thể là những trẻ con nhà bản tiện, nhưng cũng có thể là những học trò nghèo, vì thiếu tiền ăn học, phải đi chăn trâu cho người để chi phí học hành... Còn chăn bò Mỹ thì lại khác hẳn. Vì ở Mỹ người ta không chăn một hai con như mình, mà có khi chăn tới hàng nghìn hàng vạn con, những chàng chăn bò Mỹ không thể là những chàng mục tử bé con vừa gõ sừng trâu vừa nghêu ngao hát, mà phải là những chàng trai vạm vỡ, bản lĩnh được cả hai tay. Chăn bò Mỹ, không thể đi bộ mà chăn được, hay cưỡi trâu, hay bò mà chăn được. Vì một đàn bò Mỹ đi có khi dài tới một cây số, không thể không dùng ngựa để theo kịp những con bò lạc đàn, và chẳng người ta lại còn có thể lừa bò của nhau đi được, và có thể đem đàn bò này sát nhập với đàn bò khác. Chuyên cướp bò của nhau thường xảy ra như cơm bữa. Cho nên những chàng chăn bò, đều phải được kén trong những chàng trai vạm vỡ, những tay anh chị, thiện chiến, lực lượng giang hồ, uống máu người không tanh, ngồi trên mình ngựa chông giầy thòng lọng có thể bắt kẻ địch xa hàng 4, 5 chục thước. Xem những phim cao bồi, người ta đã nhìn thấy cái gan dạ của chúng. Thực là lớp người không biết có ngày mai, có pháp luật, có dư luận là gì.

Đức tính của họ là như vậy, thế mà tác giả Đào quang Huy lại dùng đến những chữ : «Anh hùng khai quốc chấn bô» thực là khó định nghĩa—Dĩ nhiên quần chúng thích trật tự, thích yên tĩnh, không bao giờ muốn trông thấy những hành động ngỗ ngược của những anh chàng chấn bô, vì quần chúng không thích những trò làm náo động nhân tâm, phá rối trật tự, của những con người trông thấy đầy vẻ hỗn xược, lấc cấc, những con người luôn luôn chỉ muốn lập bè kết đảng, những con người bao giờ cũng đi vào con đường yêu vong hay nghiệp tử.

Và những con người ấy, thật từ xuất mấy ngàn năm lịch sử của Mỹ không thể nào có được một ai làm nên được sự nghiệp khai quốc cả. Những câu văn của Tác giả Đào quang Huy còn kia, chả nhẽ tác giả lại viết nhầm ư... Ấy thế mà lắm kẻ xấu mồm đã bảo : «Tác giả không bao giờ lầm cả, và nếu có lầm cũng là cố ý lầm, cũng như người xem bảo không hiểu cũng là cố ý không hiểu». Nếu mà nói như vậy mà thiên hạ cũng bảo là phải thì có trời mới định nghĩa nổi. Thế mới biết những ngòi bút bất khuất, dưới nanh vuốt của loạ n ly, cũng vẫn không ngại viết ra những câu thực là rắc rối vậy ời !!!





THÍCH  
GIÁC  
HOA

# **đanh lợi tình**

Ôi !

Một kiếp sống, nhơn sanh bao kỳ ?

Cảnh phù du, cũng tỷ hương đưạ.

Đàn lòng réo rắc say sưa,

Rượu xuân mấỵ chén ? Mộng thừa mấỵ phen ?

Đường đanh, nẻo lợi,

Ai kẻ đưạ chen ?

Thế trần tấỵ tối,

Sao vẫn lói len

Đường đanh mấỵ đoạn gặỵ ghềnh,

Nẻo về bến lợi, bắỵ bênh giữa dòng...

Thuyền đời hờ hững trên sông,

Ai hay sắc sắỵ, không không là gì ?

Ưu hườn thuyên chuyễn mãi  
Phải có một lần đi...  
Hoa hồng tan tât hết,  
Ủ cảnh ấy đường chi ?

Nghiên ngựa rồi,  
Xong việc hả ?

Nắm cát vàng sê ngủ trên vốc thà ?  
Ổi thôi rồi ! dĩ vãng đượm hương xưa  
Đã bươn bã, theo muôn ngàn thế hệ  
Cùng gây tình, bạn lữ gió sương mưa

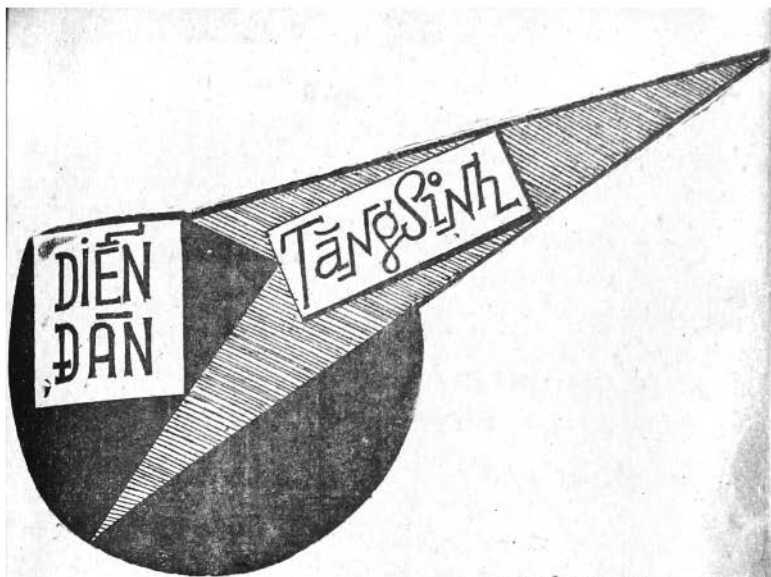
Mời danh !

Bả lợi !

Diễm tình !

Rừng người vấp ngã, hoen mi khóc,  
Danh lợi tình chi cũng phủ phàng...  
Xuôi, ngược thánh thang dòng bến tục,  
Tình Danh Lợi ấy, hận thương tan.





ĐẠI  
ĐỨC

\*\*

THÍCH  
THÔNG  
BỬU

\*

**C**HÚNG tôi đang hầu chuyện với Thượng Tọa Đôn Hậu và Thượng Tọa Quảng Liên, ở phòng Thượng Tọa Giám Đốc tại chùa Ấn Quang, thì một anh Thanh niên Thiện chí bước vào chấp tay thưa với Thượng tọa Quảng Liên « Bạch Thượng tọa: có một vị học tăng vào phòng Thượng tọa ngồi giường Thượng tọa và đóng cửa đề nói chuyện dõn với một cô nữ sinh ».

— Thượng tọa Quảng Liên quay lại bảo rằng: Việc ấy thầy không biết, con về ghi tên đề rồi sau sẽ hay, chứ hiện giờ thầy không muốn có một trách nhiệm gì cả,

hai tháng nay, thầy bỏ không nói tới ai hết, ai muốn làm gì thì làm...»

Em thiện chí xá lẽ, lui ra, nhưn tiện chúng tôi thưa tiếp.

« Bạch Thượng tọa : nếu T.T. lầy con rắn, hủy cả cái áo, thì đại cuộc sẽ hỏng và đó chỉ là một vài phần tử mà thôi, dù muốn dù không Thượng tọa phần lớn trách nhiệm và nên trừng trị những kẻ nào đi ngược và phạm giới luật (1)

Hơn nữa câu chuyện anh Thiện chí vừa thưa chưa phải là đúng, xin Thượng Tọa xem lại, và nếu có thì chưa phải hoàn toàn lỗi do các vị ấy...

— Thượng tọa Quảng Liên vui vẻ kể cho chúng tôi nghe : « anh em nghĩ thử xem có đời nào, mà một vị học tăng phạm lỗi ; Thượng Tọa Đốc học la rầy thì bị ông ấy nói : « nếu mấy Thượng tọa có giới thì cỡi áo đánh lộn chơi ». Từ ấy đến nay nghĩ mà chán. Chẳng muốn

(1) (Một mình ngồi trong phòng kín đóng cửa nói chuyện với nữ giới phạm vào giới tội bất định từ phần luật tỳ kheo).

nói rầy ai cả, ngoài những vị biết Tu.

Thượng Tọa Đôn Hậu ngồi trầm ngâm có vẻ suy tư, nhưng khi nghe câu chuyện ngài buồn lắc đầu. Ngài nói Nhưng thôi (nói với TT Quảng Liên) dù sao T. tọa cũng phải có trách nhiệm....

oOo

Đáng lẽ câu chuyện này chúng tôi không nên ghi vào, nhưng đạo Phật quý hơn các đạo khác ở chỗ tâm vô ngại hơn nữa mà xem những chỗ khuyết đề xây dựng không phải là vô bổ, nên mục diễn đàn Tăng sinh hôm nay ghi loạt bài này với mục đích tìm phương đối trị những con bệnh bất kham, hầu xây dựng một hệ thống lành mạnh, cho hiện tại và tương lai.

— Muốn tìm căn bệnh chúng ta nên phân ra nhiều tiêu mục, và sở dĩ có xảy ra một vài việc đáng tiếc-như vậy là do đâu? — Nó có mấy nguyên nhân.

### **Nguyên nhân thứ nhất :**

Trước nhất phải ghi nhận là ta đang sống giữa cái xã hội thối nát, nếp sống cuồn loạn đang xô đẩy loài người về hố sa đoạ, đề quên hẳn những đức tính làm người.

### **Nguyên nhân thứ hai :**

Một dân tộc nô lệ, thì thần thánh cũng bị nô lệ, VN hơn một trăm năm nô lệ, đạo Phật cũng theo thời gian mà chịu lu mờ, tà đạo được dịp tung hoành, quỷ ma có thừa thì giờ làm mưa làm gió, bên cạnh ấy là người mạo danh Phật giáo tha hồ xuyên tạc phá hoại và lợi dụng vì thế nên Phật giáo phần nào bị mất cơ hội truyền.

### **Nguyên nhân thứ ba**

Đa phần chúng ta thiếu phân biệt và quan niệm sai lầm hai chữ Mạc pháp trong giai đoạn hiện tại, mặc khác chú trọng hình thức nhiều hơn nội dung.

### **Nguyên nhân thứ tư**

Có một số người quá chấp chặt trong một phạm vi vô lý nào đó, chưa biết bất biến tùy duyên tùy duyên bất biến, nên giáo pháp của Như Lai không phổ cập lan rộng được và không biết tùy theo từng quốc độ hay thời gian biến thiên của thực tại.

### **Nguyên nhân thứ năm**

Quý bậc chơn sư thì ít mà bọn tà sư thì nhiều và quần chúng đa phần thích tà sư hơn, vì tà sư có nhiều xảo lược; hơn nữa quý bậc chân tu luôn luôn bị những kẻ ác, âm mưu hãm hại.

## **GIAI ĐOẠN GẦN ĐÂY**

Từ ngày Phật giáo Việt Nam được chấn chỉnh, nhưng vì còn « mạnh nhà » gặp nhiều vấp ngã và bị nhiều kiềm hãm, nên giáo hội tiến quá ư là chậm, hơn nữa giáo hội chỉ nặng hình thức, tạm bợ hơn nội dung và lâu dài, không chú trọng việc đào tạo nâng đỡ xây dựng cán bộ nhất là giới tăng sinh bị hụt hủi quá nhiều — ba năm nay chưa xuất hiện một *Phật học* viện hay một *tăng học xá* nào có thể gọi là khả dĩ trải lại những phần khác thì được phát triển một cách quá quơ mô.

### **Nguyên nhân thứ bảy**

Giáo quyền chưa áp dụng một cách nghiêm chỉnh. Nhất là Tổng vụ Tăng sự bắt lực hoàn toàn trước hiện cuộc và tăng chúng, Thiếu phần giáo dục sâu rộng ra ngoài quần chúng, ban giáo vụ, chưa hoàn thành số mạng, thiếu một hình thức ngôn luận, dù là nội san cho nội bộ cũng không tìm thấy; con số Tăng sĩ trong toàn quốc chưa từng kết sát thực tế, ban giám luật thuộc Tổng vụ Tăng sự không làm việc. Giáo hội đã hoàn thành rất nhiều công việc nhưng chỉ là hạn cuộc, phần vì thay vì phải mở rộng ra ngoài đại thể.

### **Nguyên nhân thứ tám**

Chưa đặt đúng chỗ 2 phương thức **TÌNH CẢM** và **LÝ TRÍ** ở địa phương và sự cố chấp thấy ta, để ta chưa được hoàn toàn gồm tầy những tăng sinh có tài đức thì thiếu nâng đỡ, nếu không nói là bị dè bẹp vậy nên cán bộ thực tế thì có thừa mà nguồn máy giáo hội lại bị thiếu. Nặng tận hưởng, nhẹ nuôi dưỡng, nặng vào, trung khó nhập và còn một vài việc không kể hết.

**Nguyên nhân Thứ chín**

## **NÓI VỀ PHẦN PHẬT TỬ**

— Ngoài trừ bọn người hiện thân quý ma phá đạo ra, thì còn lại một số khá đông Phật tử, nhưng trong ấy chiếm hết một nửa số Phật tử tư tưởng thoái hóa, thiếu tinh thần trách nhiệm, không hiểu được tầm quan trọng và sứ mạng của người Phật tử tại gia, số ấy lại chia làm hai, một nửa vì ngã mạn xem thường giới Tăng sĩ, còn một nửa thì quá thương nên đem Tăng chúng về nhà nuôi; họ đâu biết rằng làm như vậy là có tội với Phật pháp. Họ đâu có biết rằng: Chính kẻ đem Tăng chúng về nhà nuôi mới là kẻ phá đạo còn hơn ác quỷ, ngục A TỴ đang mở cửa chờ họ.

### **Nguyên nhân thứ mười**

Chưa có bao giờ thấy giới Phật tử để xướng việc nuôi dưỡng tăng chúng, việc cất chùa tạo tượng in kinh đáng lẽ phải song hành với việc cúng dường tăng chúng, trái lại không được song hành mà hình như bị quên lãng.

— Chưa có một ngân khoản nào dành riêng để cúng ứng cho Tăng sinh du học và tăng sinh tu học.

### **Nguyên nhân thứ mười một**

Phật tử tại gia đa phần theo Phật giáo chỉ vì mến thương ưa thích hơn là tìm hiểu. Vì thế nên năm mươi phần trăm Phật tử chưa hiểu biết nhiều về giáo lý căn bản

### **Nguyên nhân thứ mười hai**

Tiếng nói quan trọng nhất và cũng là nhựa sống của giáo hội là giảng sư đoàn, thế mà mãi đến nay Đoàn giảng sư Phật giáo Việt nam cũng chưa có một nơi lưu trú để tu học và trao đổi kinh nghiệm thậm chí thiếu cả phương tiện di chuyển và đau ốm không được chữa trị, cụ thể như đại đức Thích Chơn Điền vị tăng sinh giảng sư của giáo hội nhưng hiện nay đang đau yếu quá trầm trọng hỏi được ai nuôi dưỡng và còn rất nhiều vị khác không

thề nêu hết. Phật tử thích nghe Pháp mà không có ý thức trách nhiệm, nuôi dưỡng giảng sư và nuôi dưỡng giới tăng sinh. Thành thoàng lại còn nghe những lời tuyên truyền nhảm nhí của đối phương của kẻ phá đạo, nói xấu vu khống chụp mũ giới tăng sinh nữa là khác



Tóm lược mười hai nguyên nhân chỉ có thể phần nào những đại cương mà thôi và xin tạm nêu 12 đề mục đề cùng tìm hiểu sâu về giới Tăng sinh và ai là người chịu trách nhiệm cho giới này

## **tạp chí AN LẠC** **thỉnh nguyện**

Đề đầu dành lễ tác bạch xin giáo hội đặc biệt lưu ý đến giới Tăng sinh.

1o) Dành 50 phần trăm phương tiện sẵn có để nuôi dưỡng giới Tăng sinh.

2o) Vạch rõ điều kiện du học

cho giới Tăng sinh và đặc biệt một đường lối tu học cho những người không đi du học.

3o) Lo nơi ăn chốn ở đầy đủ cho giới Tăng sinh, nhất là việc học, tu và hành đạo.

4o) Khai trừ những phần tử bất hảo ra khỏi giáo hội, và đăng cả tên họ hình ảnh người ấy lên mặt báo để tránh sự lợi dụng, đồng thời làm gương cho kẻ khác.

5o) Từ Trung Ương đến cấp tỉnh và các tự viện phải có một hội đồng giám luật để sách tăn và nghiêm trị giúp giới Tăng sinh một phương thức mới, hầu vượt qua một vài tạp tục phiền phức cho giới này.

6o) Chăm dứt tình trạng nhận và đuổi những số Tăng sinh bừa bãi và phi lý, chấm dứt tình trạng thâu nhận đệ tử xuất gia một cách cầu thả.

7o) Dành cho giới tăng sinh những thì giờ hội họp để trao đổi

kinh nghiệm, mở thư viện đề giới này đủ tài liệu sưu khảo tu học. Bất buộc giới này mỗi tháng phải bố tát 2 lần. Khuyến khích xuất bản nội san hay đặc san đề góp tiếng nói vào văn đàn dân tộc.

80) Kịp thời giải quyết những thỉnh nguyện của giới này. Nâng đỡ những người bấy lâu nay bị bỏ rơi hoặc bị lạc lõng, — quan trọng hóa thể Tăng tịch đề để kiểm soát giới Tăng sinh, khen thưởng và trừng trị nghiêm minh, để khỏi sự bất mãn, có thể xảy ra.

## **tạp chí ANLẠC đề nghị với giới Phật tử**

90) Mỗi người nên tự hiểu nhiệm vụ quan trọng của mình, vì hành đạo là của chư tăng mở rộng đạo và giữ đạo là của giới Phật tử tại gia. Chăm dứt ngay tình trạng đem tăng chúng về nhà nuôi (trừ khi chùa viện bị bao vây) hoặc các

niệm Phật đường nếu không có sự hoán bỏ của giáo hội cũng thế.

100) Phải đúng pháp cúng dường, lưu tâm đến giới Tăng sinh tiếp tay với giáo hội mà xây dựng nền móng của đạo pháp, nuôi dưỡng mầm non của dân tộc

110) Mỗi người nếu đã tự xưng là Phật tử thì tối thiểu phải học hỏi hiểu những phần giáo lý căn bản để biết phân biệt chánh tà mà sống đúng theo tinh thần của Phật giáo. Chăm dứt nạn cảm tình dè nặng lý trí.

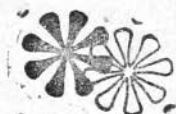
120) Muốn ăn đường, thì phải trồng mía và đừng đề kẻ khác phá mía, Phật tử muốn ngôi Tăng bảo mỗi ngày càng được phở rộng truyền xa, thì xin quý vị góp tay với giáo hội để ngăn chặn mọi sự phá hoại bất kể từ đâu đến. Lưu tâm xây dựng các cơ cấu của giáo hội nhất là hệ thống giảng sư đoàn. Xin nguyện cầu tam bảo gia hộ

cho giới Tăng sinh từ nay không còn mọi tình trạng như những giai đoạn đã qua.

Tăng sinh sẽ tiếp tục thường xuyên xin đón nhận ý nguyện của quý vị và loạt bài hôm nay xin tạm chấm dứt hẹn sẽ tiếp tục vào kỳ

Tạp chí AN-LAC, Mục diễn đàn tới.

Đ.Đ. THÔNG-BỬU



## Nụ cười MAN RỢ

✦ Truyện ngắn đặc sắc đăng 2 kỳ  
✦ Sẽ xuất hiện trên tạp chí AN-LAC

— Độc giả vừa ý khi đọc xong nụ cười man rợ, một tác phẩm mà tạp chí AN-LAC phải trả tiền nhuận bút với giá 30.000đ00 thay vì những bài trừ danh khác chỉ có 500đ00

- Giới trẻ và quý vị trí thức rất hài lòng khi đọc xong nụ cười man rợ.
- Nụ cười Man rợ tác phẩm đầu tay của nhà văn trẻ nhất trong giới văn nghệ Việt-Nam.

## Nụ cười MAN RỢ

THÙY  
DƯƠNG  
TỬ

*quê  
hương  
rì  
máu*

**1.**

*Đi về đại lộ mà thương  
Nhân gian đùa giỡn phố phường máu se  
Cười nghiêng ngửa giấc sang hè  
Mùa vui rơi rụng nằm nghe thu buồn  
Đợi chờ thế kỷ qua mau  
Binh đao máu lửa trở màu bề dâu  
Một em chờ với tuổi sầu  
Ta đi chiều mộ cười sau giấc hồng  
Đảo điên vừng trán lên bông  
Tay nâng ly rượu cười trong lạnh đời  
Giọt hồng khóc buổi xương phơi  
Ôm vai tuổi trẻ khóc đời quê hương*

## 2. niềm tin của đất và người

Mình về nhen lửa tương lai

Đốt đi quá khứ vàng phai bi hùng

Tuổi thanh gởi cả niềm chung

Quê hương nhẩn hời—phận mình bấy lâu

Thưa rằng phận chết từ lâu

Giờ nhen lửa mới, đẹp màu tương lai

THÙY DƯƠNG TỬ



## đêm nghe đại bác

Đêm nghe đại bác ì ầm

Sớm mai xác chết trôi về đây sông

Biết em còn đó hay không

Mẹ già nương sẵn ruộng vườn còn chăng?

VŨ THÁI LINH

# WALT WHITMAN

*Thi sĩ kiêm đại văn hào Mỹ Quốc*

**W**ALT WHITMAN sinh năm 1819 tại Long Island. Con của Walter và Lonisa Velson Whitman. Năm 12 tuổi Whitman bỏ học, đi học nghề sắp chữ nhà in — 14 Whitman sắp chữ cho tờ báo Long Island Star, 15 tuổi viết bài đầu tiên cho báo Mirror tại Newyork đến năm 19 tuổi Whitman chủ trương nhật báo tên là Long Islander. Những năm tiếp chàng làm nghề dạy học — trong thời gian này Whitman viết truyện ngắn cho báo Demon Crat (truyện của ông mang nền luân lý nhưng rất thơ mộng).

Năm 23 tuổi Whitman làm chủ bút tờ nhật báo Aurora « lúc làm chủ bút, bao giờ ông cũng đứng về phe những người lao động bị áp bức, ông viết những bài xã thuyết chống phong trào. Đánh đập học trò trong các trường, chống điều kiện làm việc khổ cực của thợ thuyền cùng thời ông. Lúc trở nên thi sĩ Walt Whitman là một thi sĩ từ đám dân chúng và của quần

chúng, ông hy vọng trở nên một thi sĩ làm thơ  
« quần chúng. »

Đó là lời giới thiệu của giáo sư Verdun Earle Leitchy nói về Walt Whitman.

«Walt Whitman am I,  
kosmos, of mighty (Manhattan the Son  
I speak the pass-ward primeval  
I give the sign of democracy...»  
I celebrate myself, and sing myself, and what I assume  
you shall assume  
For every atom belonging to me as good belongs  
to you

« Tôi là Walt Whitman,  
Một vũ trụ, con đẻ của thành Manhattan hùng mạnh.  
Tôi nói lên bằng khẩu hiệu đơn sơ  
Gởi đến nơi anh nét tượng trưng của nền dân chủ  
« Tôi ngợi ca tôi và ngợi ca tôi  
và việc tôi gánh vác, anh cũng phải đảm đương  
Vì mỗi nguyên tử thuộc về tôi anh cũng chiếm  
quyền sở hữu »

Từ năm 1850 — 1855 Whitman thay đổi rất nhiều  
gặp việc gì ông làm việc ấy, gặp áo quần nào ông mặc  
áo quần đó.

Tập thơ « Leaves of Grass » (Lá cỏ) bài nói đầu ông  
viết : « Nước Mỹ trước hết là một bài thơ vĩ đại. »

Emerson phê bình về tập thơ lá cỏ : «Tôi chúc mừng thi sĩ trong bước đầu của sự nghiệp vĩ đại. Đây là bước đầu nhưng chắc đã dọn đường sẵn từ lâu nên mới bắt đầu như vậy.

Tôi đưa mắt để nhìn tia sáng mặt trời ấy có phải là một ảo mộng không nhưng những ý nghĩa vững chắc của cuốn thơ này cho tôi thấy đây là một sự thiết thực đơn giản.»

Sau khi Walt Whitman xuất bản « Lá cỏ » cho đến khi Whitman từ trần — Lúc nào ông cũng là người bạn « chung » đến thăm và an ủi bệnh nhân trong nhà thương. Ông là cái loa báo hiệu của quần chúng. Ông đã từng viết và nói câu bất hủ : « Hãy sản xuất ra những vi nhân—rồi những chuyện khác sẽ đến sau ».

Whitman cũng thường nói :

«Thường dân sẽ trở nên hoàn toàn. Thường dân sẽ trở nên những nhà lãnh tụ sáng suốt. Và Lincoln lên làm Tổng Thống đó là bằng chứng hùng hồn để làm sáng tỏ quan niệm của thi sĩ Walt Whitman kiêm đại văn hào của Mỹ Quốc.

NGUYỄN THANH LIÊM





# *lòì chim nguyên đán*

HỒ TRƯỜNG AN

*Làm cây cò thụ buồn  
Ngàn năm trong thung lũng  
Thêm đời không chim muông  
Tim hồng tươi tả rụng  
Rời cuống lưu ngừng lại  
Phù sa về đồng lầy  
Ôi linh hồn Nguyên Đán  
Mật ngọt rót đầy tay  
Phai nét buồn hoang phế  
Trên tường rêu âm thầm  
Gom bóng thời trắng lẹ  
Sấp chìm vào xa xăm  
Trên đỉnh mù xương xám  
Khói nhà ai bốc cao  
Mùn xuân vừa triền lã*

Từng nụ thắm hoa đào  
Xin phép trời: nắng lũ  
Mở lại thời nguyên sơ  
Trắng hiền say giấc ngủ  
Thiên thần trong tuổi thơ  
Em làm chim bói cá  
Soi mình vào nước trong  
Những linh hồn man trá  
Chết im lìm dưới rong  
Ai người nhớ sơn ca ?  
Bướm trắng về luống cải  
Dưới đèn đêm thiết tha  
Chuyện răn đời bà ngoại  
Trang sách thật hồn nhiên  
Mộng đời no ánh sáng  
Ôi ! em bé vành khuyên  
Hót sau ngày lửa đạn

---

ĐÓN ĐỌC THƠ TRUYỆN  
của THÙY DƯƠNG TỬ

- đất nước tôi
  - niềm đau châu á
  - tiếng hát hôm nay
  - nước mắt thị thành
  - biển mẹ rừng mai
  - hoa mặt trời
-

## Hội long hoa

Nam mô van vái Phật Di Đà  
Mở lượng từ bi độ chúng ta  
Bề khổ xin thương người đắm đuối  
Thuyền từ liệu vớt kẻ mê sa  
Cửa không rộng mở bao gồm lại  
Cầu giác thành thang dần dắc qua  
Vẫn biết có nhưn thì có quả  
Mong ngài cứu vãn hội long hoa

PHAN QUANG CHƯƠNG  
(Quảng Ngãi)



### Họa

Cán chi van vái đức Di Đà  
Nhơn quả ta làm báo lấy ta  
Bề khổ vượt qua người giác ngộ  
Sông mê chìm đắm kẻ mê sa  
Cửa không sẵn đón ai nhìn tới  
Phật pháp không lia kẻ ngộ qua  
Vất bỏ trần tâm xa vị ngã  
Thuyền từ đưa đến hội long hoa.

PHAN THẠCH KHẾ  
(Saigon)

# TRÁCH

CỤ TÚ ẤM con nhà khoa học, huyết thống của thế hệ Nho gia, giàu đức hy sinh, tánh ưa hoạt động. Lúc cụ còn tuổi trẻ không hợp với chế độ phong kiến và sự áp bức của thực dân, lắm lúc cụ đã bị nhà cầm quyền Pháp làm khó dễ nên cụ chỉ ôm lòng ưu ái mọi việc trên đời đều bỏ một bên.

Nay cụ đã già, thường gửi tâm sự vào chung trà chén rượu, câu phú văn thi...

Hôm ấy cũng như mọi hôm. Đầy đường ngựa lại xe qua, những khách mua danh bán lợi, những người lê thê trên vệ đường để tìm kế sinh nhai; Một lũ trẻ con nó cười, mếu máo, la khóc, đánh nhau dưới bóng mặt trời đương từ từ lên khỏi ngọn cây.

Trên bộ ván thau-lau, một bộ khay trà, một ve độc ấm và ha chén chung, cụ Tú một mình tự rót tự uống, mùi trà bay ra thơm ngát. Thỉnh thoảng cụ hớp một hớp trà, rồi ngâm mấy câu bán cổ bán kim:

*Triệu triệu trà hậu ngâm Đường  
vận*

# NHIỆM

*Dạ dạ đắng tiễn độc Thánh kinh.  
(Mãn địa lưu hòa hòa ngã lão)*

*Vấn tâm tự quý thử dư-sinh.*

### DỊCH

*Uống trà buổi sáng ngâm Đường  
vận,*

*Chong nển canh chầy đọc Thánh  
kinh.*

*Bổng chốc hoa lau thay mái tóc !*

*Xét mình tự hồ với dư—sinh.*

Khâm, từ ngoài cửa bước vào chào cụ, rồi khếp nép đứng một bên, thò thẻ không ngoài chuyện hỏi thăm sức khỏe của cụ.

Cụ Tú hỏi anh thi rồi chứ ?

— Vâng, con thi rồi ! Khâm trả lời.

— Anh đỗ đầu nhĩ ?

— Thưa cụ con trượt mất.

— Tại sao thế, tài học của anh mà hỏng, thì ai đồ ?

— Thưa, con bị hai cái khuyết điểm.

— Hai cái gì thế ?

— Thưa, một là nhà nghèo. Hai là, không có thể lực.

Cụ Tú thán : Ôi ! Huỳnh kim thể giới làm cho con người phải điên đảo. Không đất anh hùng không dụng võ. Lắm tiền ngu ngốc dễ làm quan. Giờ anh phải đợi khoa sau ?

— Thưa cụ, con đã nghĩ học rồi !

— Sao anh lại nghĩ, biết đâu sang năm vận số nó lại đổi khác ! Tài học của anh và hiểu hạnh như anh, vả lại anh là người có tài, nên học cho thành tài để sau này giúp nước nhà. Anh là một người thông minh, là rường cột tương lai mà anh nghĩ ngang như thế này, đã mai một cái đời anh mà nước nhà cũng mất một nhân tài nữa.

— Thưa cụ, con bây giờ chỉ học theo người đời xưa (an mệnh thủ phận) ở nhà làm ăn, đừng làm việc gì trái với lương tâm là được

Cụ Tú nói : Đời xưa, anh đề  
đề kể một chuyện đời xưa cho anh  
nghe :

— Xưa có ông Đào Nghi, người  
Ứng Sơn, làm Tri Huyện, huyện  
Hiển.

Ngày kia ông thăm một cái án  
tự biết là oan, ông muốn minh oan  
cho người bị cáo nhưng lại sợ  
quan trên không bằng lòng cho  
nên còn do dự. Nhà thuộc có một  
người họ Vương nói với ông rằng :  
Tôi có người bạn là hiệp khách  
ông ta rất giỏi, thường phán đoán  
việc hưu cựu rành rẽ ; Huyện  
đường nên cho mời ông ấy đến,  
nhờ ông ta giải thích hộ cho.

Quan Huyện nghe theo mời  
hiệp khách đến kể đầu đuôi câu  
chuyện và nhờ tính thử. Nghe  
xong, hiệp khách cười và bảo :

\* (Minh công là cha mẹ dân, nên  
luận cái chớ Oan hay Ứng, chớ  
lo làm chi cái chuyện quan trên bằng  
ông hay không ! Hiệp khách nói

tiếp : Quan Huyện có nhớ Lý  
Công khi chưa làm quan, một hôm  
đi về nhà quê, dọc đường gặp  
một nhà sư kết bạn đi đường,  
lúc sang dò ngang, ra giữa vời  
có anh khách đồng thuyền cái cộ  
om sòm với người lái đò.

Nhà sư chỉ anh khách ấy mà  
than rằng : (Mạng đã hết rồi, mà  
còn vì một hai đồng tiền đi gây  
gỗ với nhau thật là đáng thương!)

Nhà sư than vừa dứt, bỗng  
có luồng gió thổi tới buồm trở  
anh khách ấy rơi xuống sông trôi  
theo giòng nước.

Lý Công nghe thấy lấy làm  
 lạ tự nói tại sao ông sư này lại  
biết trước anh kia đã tận số, tiếp  
đó trời nổi cơn giông tố, sóng  
đánh ầm ầm, thuyền sắp úp, những  
khách đồng thuyền ai nấy chỉ nhìn  
nhau để chờ tử thần đến nước.  
Nhà sư bước ra trước mũi thuyền  
đứng niệm lăm râm những gì  
không ai hiểu, bỗng trời quang mây

tạnh, sóng gió lộng người người  
đều bình an. Lý Công đến trước  
mặt nhà sư, quì xuống lạy hai lạy  
và tạ ơn ngài đã cứu mạng cho  
tất cả người trong thuyền mà trong  
ấy có mình.

Nhà sư đỡ lấy Lý Công dậy  
mà nói : Ông là người sau này  
sẽ cứu dân giúp nước, mình oan  
cho kẻ dưới, không xu phụ bề  
trên, không tham lam địa vị, không  
hoa mắt với tiền tài, cho nên tôi  
phải cứu ông mà cứu cả những  
người trong thuyền. Còn anh hành  
khách bị rơi xuống sông lúc này  
đó mà tôi không cứu là vì anh  
ấy có sống cũng vô ích, vả là  
mạng của anh đã hết rồi.

Lý Công nghe nói, chấp tay  
đến trước mặt nhà sư lạy một đến,  
một lần nữa nói : Bạch sư phụ,  
từ đây con xin vâng theo lời sư  
phụ, phạm việc gì cũng an mạng  
thủ phận cả.

Nhà sư nói : Lại không được!

Nói như ông thì trời đất đã sinh  
nhân tài làm gì ! Triều đình đã  
thiết lập quan lại để làm gì ?

Phàm con người ở đời, kẻ  
vầy người khác, mình phải tự xét  
mình, ví như mình không tài năng  
không chịu học hỏi, trí ngu, óc cạn  
kiến văn hẹp, tâm địa xấu, độ  
lượng nhỏ, thế mà muốn làm lớn  
thì làm sao cho được ? Những  
người ấy, phải an mạng thủ phận  
không nên bôn danh trục lợi,  
chạy đông, chạy tây để cầu địa vị,  
hai loại như Lý Lâm Phủ, Tần Cối  
luôn cúi đầu nịnh, không có việc  
gì mà chúng chẳng làm, không có  
cửa nào cao mà chúng không tới,  
nịnh bợ đủ lối, nên mới làm nên  
đến chức Tề Tướng, làm to chừng  
nào thì tội ác càng tăng lên cao  
chừng ấy ; không biết lượng sức  
của mình, không biết an theo  
phận mạng, bởi thế nên phải mang  
lấy họa lớn tay trời...

Nhà sư nói đến đây rồi đi

đau mắt không ai thấy, mà nhìn  
dưới nước cũng chẳng thấy hình  
dạng đầu cá.

Hiệp khách nói đến đó rồi  
xin cáo từ quan Huyện.

Sau quan Huyện này lấy công  
ý mà tha cho anh bị cáo đó, tức  
thì ông treo ấn từ quan trở về điền  
viên vui thú.

Có người hỏi quan Huyện tại  
sao ngài lại vui vẻ hơn trong lúc  
thạnh thời tại chức ?

Ông nói : Tôi được một việc  
tròn với bốn phận làm cha mẹ  
đàn là tôi vui trọn đời.

## LỜI BÀN

Chỉ có một xí chuyện xưa  
của hiệp khách nói ra, mà làm cho  
Quan huyện trở nên một vị quan  
thanh cao đáng quý trọng, đáng  
kính mến cả ngàn muôn năm, sử  
xanh ghi đề nước nọ nước kia ai  
ai đời sau cũng biết. Đáng kính  
thay

## SONG THU



đất mẹ

THƠ phương dài

THÁNG MƯỜI PHÁT HÀNH



LIÊN SAO

*tình*  
*thương*  
*đất*  
*mẹ*

*Con lớn lên trong niềm tin bé bỏng*  
*Của đôi tay mẹ vun xới đêm ngày*  
*Tình thương đó như trời cao biển rộng*  
*Lời ru buồn thêm ngọt tuổi thơ ngây*  
*Niềm kiêu hãnh làm sáng ngời mắt mẹ*  
*Phút tin yêu mở rộng cả khung trời*  
*Bàn tay sạm nắng nung từng chân tóc*  
*Khi nhìn con mũm mĩm ngủ trong nôi*  
*Mẹ chẳng quảng bao nắng mưa khô nhọc*



# **nước mắt thị thành**

**C** HẮN RỒI—Mệt rồi, thương không thành—làm gì cũng không thành—Tiền ?—Hết. Tình ? Hết Sài Gòn ơi ! Buồn nản nhầy nhụa  
Hắn nói một cách tuyệt vọng nhưng có vẻ chân thật. Đời chả còn gì đáng nói—chỉ còn rượu—Vàng, chỉ còn rượu thôi anh ạ. Trong quán này, chỗ bàn này. Giờ này, dưới ánh sáng trần trường này anh và tôi đang ngồi đối diện, đối diện một cách đột ngột, bất chợt thì không có lý do gì từ chối.—Anh uống với tôi đi. Rượu — Rượu—Vàng, rượu là cái chóp đỉnh cuối cùng của lòng ta : yên lặng, trong miền cõi này, Cái miền cõi đã hy vọng, thất bại, tin tưởng chán phèo, lạnh nhạt, và cuối cùng, tôi xin mời anh : uống,

Kể từ ngày thần rượu và ngự trị, tôi với hắn bắt đầu quen nhau

THÙY DƯƠNG TỬ

Được biết hẳn tên là Định—Vàng, Hoàng xuân Định. Sinh viên văn khoa, Hẳn nói rất nhiều, nhưng sau phút ấy lại yên lặng, cái yên lặng lạnh nhạt khó chịu, hầu hết mọi người dù kẻ thân nhất của nó cũng vậy.

★

Nửa tháng sau tôi gặp Định trong quán rượu lao động ở đường Nguyễn huỳnh Đức, hẳn có ý định đi lính, Tôi ngạc nhiên : Những thằng người như cậu làm sao chịu sống đời lính được ? —Không tôi quyết định rồi, tôi tự nghĩ đó không phải đó là sự liều lĩnh, nhưng đó là một hành động chấp nhận cuộc đời.

— Như vậy cậu bỏ học à ?

— Vàng, bỏ—nếu cần đốt trường tôi cũng đốt, học đại học càng ngày càng tôi bại, càng ngu xuẩn, chính nơi đó đã tạo ra lũ người ốm yếu như tôi và như tôi nhiều lắm.

Tôi tự nghĩ rằng : đã hai mươi nămmai đồ máu để chúng mình vô tình yên lặng ngồi học — được cái gì, và không được cái gì. Cho đến nay vẫn tiếp tục bóc lột máu người

bạn mình mà chúng ta không biết hoặc biết mà làm ngơ (?) cái làm ngơ ngu muội trong giải đất này trong con sông này. Tôi tự nhận lỗi mình với những người đã đổ máu. Nhận lỗi chưa đủ cần phải hành động, Vàng, hành động bằng cách vào lính vô điều kiện

Tôi nhưt định rồi anh à, quyết chí làm một tên lính hăng say chiến đấu — Chết ? Bỏ. Không cần biết gì hết.

Hẳn nốc xong hai cốc rượu rồi nói tiếp : những thằng thanh niên bây giờ không chịu đi lính là ngu. Đời người dễ gì được đi lính để gì được bắn súng, dễ gì được giết người, hơn nữa cái thú vị vô bờ ở bản năng, 1 giết hằng vạn người ở chiến trường rất tự do, không ai có quyền nói hay kết án này nọ. Việc gì giết một người trong thành phố để lãnh 40 tử hình hay khổ sai chung thân ngu ơi là ngu. Ra chiến trường giết hàng triệu người — ai dám nói không ? Ai dám kết tội không ?

Hỏi thanh niên thời đại không đi lính là ngu — Ta đi đây, ta đi

giết người một cách tự do. Không chừng ta giết được nhiều người ta sẽ lên chức. Nhưng không. Ta không cần chức vị ấy, ta chỉ cần giết được nhiều người một cách tự do rất tự do.

Hắn nhìn tôi, Anh thấy không? Đời này có cái gì thú vị bằng và tự do bằng giết người công khai nhưng không có án, Đi đi anh, đi với tôi để tự do ngang dọc giết bết loại người chừ loại người càng nhiều càng bản thủ. Hắn càng nói gương mặt càng trở thành lạnh lùng như đóng lạnh,

Tôi không từ chối lời mời của Định cùng về ngủ nhà nó đêm nay.

Trời lạnh, đèn ngoại ô lòa đi vì mưa bụi—con đường mang nhiều nhục vọng lờ lỏi, Hắn cười điên dại, cái giọng cười nửa khinh bạc nửa đều giả âm vang trong ngõ hẻm tối mờ. Tôi quờ quạng như người lạc lối — Định lôi tay tôi: Queo, Hẻm này. Đây rồi,

Trông xong hốc men âm ướt khó chịu, hắn để tôi xuống sàn:

« Ngồi đây, anh ngồi đây tôi tìm khăn và đốt đèn ».

Ngon đèn leo lét cháy không đủ sáng hai gương mặt, song tôi cũng thấy rõ sự bề bới của hắn. Sự bừa bãi, sách vở ngồn ngang, quần áo lộn xộn—bụi bám cứng hết, rác từng đống từng đống quanh chỗ tôi ngồi và chính là cái chỗ nó ngủ.

Định lột cho tôi hai quyển sách để gối đầu. Hắn nhìn tôi bỗng dựng cùi đầu buồn bã. Tôi ngạc nhiên trước gương mặt lạnh lùng đánh thép của hắn sao bây giờ tang thương thế, cái tang thương bén lạnh da gà,

Định thôi phụ ngon nên nằm xuống, kéo chăn phủ cho tôi. Hắn bắt đầu một câu chuyện dĩ vãng « Gia đình tôi rất giàu và có uy tín ở đây, Nhưng ba tôi không muốn hưởng sự an nhàn trong giàu có, khi mọi tầng lớp đều gốc lòng kháng Pháp.

Thế là ba tôi nhập cuộc.

Một hôm ba tôi nhận sứ mệnh về thành để phá một trại quan trọng của quân thù. Việc không thành, cơ mưu bại lộ—Ba tôi bị bắt và kết án

tử binh. Mà hội được thay : người bắt ba tôi, người đánh ba tôi, người kết án tử hình ba tôi lại là người Việt, người Việt. Họ cho ba tôi là người phản quốc người phá hoại thực dân trên mảnh đất này (có nghĩa là 1 họ theo người Pháp buôn nước bán dân, đó là chính nghĩa) cho đến bây giờ tôi cả quyết với anh trăm phần trăm là ba tôi chết vì một tội : Yêu nước.

Anh biết không, kẻ đó má tôi bị bắt, em gái tôi bị bắt ; hai kẻ xấu số bị chúng thay phiên hãm hiếp đến chết. Gia đình tôi bị tịch thu—một mình tôi trốn ở Sài Gòn sống đủ nghề,

Mọi việc theo thời gian biến chuyển, Tôi cảm thấy được an thân trong lòng rộn niềm phấn khởi thực dân về nước. Toàn dân nở nụ cười cười mở, Riêng tôi sau những ngày vui chung, tôi cảm thấy lòng mình đè nặng mỗi buồn riêng—cái buồn không cần nói và chẳng cần nói với ai hết (vì đã già rồi, đã chai rồi, chai cái chai đau đớn, già cái già của thời thú).

— Anh muốn nghe nữa không?  
Định hỏi.

Từ lúc đầu cho đến bây giờ tôi như một người câm nghe chuyện nhưng thực lòng tôi muốn thưởng thức cái đau khổ riêng, nó chen vào từng thớ thịt và cái đau khổ của Định là cái đau khổ của tôi. Tôi xoay người : Ừ, có chớ, cậu kể tiếp đi.

— Được, tôi tiếp đây, tiếp một cách giản dị nghe anh ?

— Ừ.

Sau hai năm bị gọi quân dịch, Tôi về tiếp tục cuộc sống thiếu thốn Nhưng rồi đâu cũng vào đó. Tôi đồ Tú tài. Tôi trở thành một người mới, một giáo sư mới.

Lúc đầu tôi nổi tiếng về môn dạy Sử Địa—Sau tôi kiêm môn Việt vì tôi cảm thấy Việt Văn là cái chóp đỉnh của tâm hồn, Tôi nổi tiếng ngay môn dạy này. Từ đó cuộc sống tạm đầy đủ, tạm thoải mái.

Nhưng anh ơi, cuộc đời có nhiều sự việc xảy ra rất đột ngột bất chợt mà tôi không lường trước

đượ.

Tôi bị tù 19 tháng vì tôi đánh một người ngoại quốc say rượu và một cảnh sát. Nguyên nhân người này đi không trả tiền cho anh phụ xích lô. còn hành hung nữa. Lúc đầu tôi tính can thiệp thôi, không ngờ nó đập luôn tôi? Trong cơn nổi điên tôi rút gân tay chặt mạnh xuống cổ, đầu nó ẹo qua bên người cảnh sát thấy vậy chạy tới rút súng bắn tôi. Vì bản năng tự vệ, tôi đá anh ta ngã luôn. Nguyên nhân 19 tháng tù của tôi là vậy đó.

Tôi ra tù, gặp một nàng yêu tôi, người này nguyên là học trò tôi. Nàng trẻ, đẹp, nhà giàu. Lúc đầu, tôi nghĩ đời này hẳn còn gì đáng nói, Thôi ta hãy dồn yêu thương vào một người con gái yêu ta, ta sống bình yên với một người vậy. Nhưng việc bất thành anh ạ. Cha mẹ cô chê tôi xấu trai, nghèo hơn nữa hẳn không còn cha mẹ gì hết thì biết ai mai môi cười hỏi?

Thế là cái bình yên tối thiểu của tôi bị mất—cái thâm kịch muôn

đời nhân gian cũng là chỗ này anh

ạ.

Tiếp tôi bị tù lần nữa : 14 tháng vì tôi chống chánh phủ Ngô triều

Ra tù, tôi đi dạy, lại yêu một người con gái cũng học trò tôi—nàng nổi tiếng đẹp nhất trong trường. Chúng tôi yêu nhau say đắm, nồng nàn nơi đây, nơi nhà này, chỗ năm này... chúng tôi..

Nhưng rồi tấn kịch lại xảy ra. Tôi đau nặng Tiền hết. Nàng xin vào chiều đãi viên hàng không nàng lấy lương nuôi tôi. Tôi cảm động vô cùng, nàng săn sóc tôi tận tụy suốt mùa mưa. Trong cơn đau tôi cầu nguyện suốt đời chỉ yêu nàng. Tôi thầm nghĩ rằng cuộc chung đã vỡ. Chỉ còn cuộc riêng—hãy bám lấy cuộc riêng để sống sống với nàng trong hạnh phúc bình yên.

oOo

Đùng một cái—nàng bỏ tôi đi biệt, tôi đau đờn vô kê. Đành mang thân phận thằng người bất hạnh vào nhà thương thì gửi thân—nổi cô đơn, quần quai ăn mòn thây thê theo tháng ngày,

Anh ơi thật là buồn cười. Nàng lấy thẳng thiếu úy không quân mà thẳng này lại là bạn học của tôi.

Có một đêm mưa dầm, nàng về lại căn nhà cũ thăm tôi—nhưng lúc đó tôi còn nằm gởi mạng trong nhà thương thí. Nàng có hỏi người lối xóm. Nhưng họ không biết tôi đi đâu kể từ ngày đó nàng yên lặng ra đi.

Lần thứ nhì nàng xuất bị bắn vì cố tìm tôi nơi căn nhà này. Chàng thiếu úy cầm gươm nàng không được tìm tôi — nếu lộn xộn anh sẽ bắn tôi lần nàng.

Tôi nghe tin này mà tức cười cho cái quyền lực anh ta. Cái quyền lực không đúng chỗ — cái tác phong lộn xộn không đúng câu tình nghĩa.

Lành bệnh tôi về sống với căn nhà này—sống một cách buồn nản chán phèo. Tôi thù ghét tất cả mọi người, tôi thù ghét chính tôi. Tôi âm thầm sống với rượu với những ngày vô vị của cuộc đời. Để rồi mùa mưa lại về, về một cách đột

ngột. Bao nhiêu thứ hiện rõ. Tình; Tiền; Thân phận! Ngày nay tôi không còn là tôi. Tôi trở thành « một dụng cụ tối nghi ». Nhưng hồn ma xa xăm lại hiện về kêu gọi cái chết của Ba tôi, Má tôi, Em tôi—cái tù đầy vô nghĩa của tôi.

Tôi sẽ từ bỏ tất cả. Tôi quyết chí làm một tên linh ngoài tuyến tuyến để được tự do giết người, tôi không cần phân biệt thân hay thù nữa. Lý tưởng hay không lý tưởng. Cóc cần. Chỉ biết bắn giết thôi bắn giết rất tự do mà chính phủ này hay chính phủ nọ không có quyền kết án tội—vì không đủ lý do để kết án—dù sự giết ấy là vô nghĩa và phi lý.

oOo

Đêm ấy Định và tôi vô tình gặp trong yên lặng—tôi âm thầm để nghe những lời lạnh nhạt của nó nó trở thành độc thoại, tôi trở thành người câm phải nghe âm thanh giá! Uổ bốn bức tường hay của Định, của khoảng trống hay vô. Mưa ào xuống như chôn hai con người cùng cảnh ngộ, nhưng khác

Đ: một im lặng, một bực lộ cho người cảm.

Từ ngày Định đi, tôi trở thành chủ căn nhà này. Căn nhà nhiều dấu tích bi đát của Định của tôi hay của mọi người đã một mỗi trong miền cõi gây nhiều ngộ nhận: cá nhân, xã hội, đất nước.

Định đi—gửi về tôi vài giòng cảm nghĩ: K.B.C, ngày... tháng...

« Nguyễn, chiến trường vui lắm chiến trường đẹp lắm. Mình đã nhả đạn, đã giết không biết bao nhiêu người. Thức đêm, ngậm bìn, tám nắng nhưng hầu hết ở đây không biết mình đang làm gì. Giết người theo bản năng tự vệ chứ chả biết giết để làm gì—mà cần gì phải biết, phải không Nguyễn? Nhưng Nguyễn ạ, sau những giờ ác chiến mình thấy cuộc đời hoàn toàn vô nghĩa. Chiến trường sầm đen vì chất máu—thấy người ngồn ngang sinh thối. Lũ quạ mặc sức chia thịt. Nguyễn ơi, mình đã mục kích bao nhiêu trường hợp sau đây, trường hợp đáng lý mình không viết cho anh nhưng mình cũng đang nằm

trong tình trạng chung này—tình trạng bi đát khốc liệt của tuổi trẻ.

Nguyễn ơi, trận mạc hai bên đang giàn quân đen nghịt, bỗng chốc tiêu hết, xác chết thành than đạn bom làm bình địa—vườn xanh bỗng chốc thành tro—những con người quen thuộc mới cười với mình, mới cho mình mẫu thuốc, mới ôm lấy mình tâm sự thế mà đã thành bụi rồi. Mưa rưới xuống những giọt nước âm thầm như anh đã âm thầm cái đêm tôi kể chuyện!

Nguyễn à, ngày trước tôi quyết chí ra đây với mục đích giết người một cách tự do—hung sau giờ phút tôi thấy chán ngấy và tự nhủ mình giết ai? và giết cái gì? Tất cả đều đã man Nguyễn ạ, Có lẽ mình trốn về Saigon để tìm sự yên ổn mong sống một cuộc sống tầm thường. Mình nghĩ mình ngu quá Nguyễn ạ—Tại sao mình yên lặng khi kẻ khác cướp tình yêu của mình mà mình không có thái độ với nó—mình nghĩ lại chuyện đã rồi, Nhưng mình sẽ giải ngũ về tìm lại tình yêu, tình thương

Mưa lại ào xuống như thác lũ—doanh trại im lìm. Ở đây không còn buổi chiều hay buổi sáng, vì : tất cả âm u, Nguyễn ơi, bây giờ mình thêm sống cuộc sống ở Sài Gòn, mình nhớ những bước chân, những ngổ hêm; những đường phố, những khuôn mặt đang ghét đáng thương. Mình muốn nhìn lại tất cả, kể cả gương mặt méo mó của anh. Nhưng không được Nguyễn ạ, mình đang nằm trong vùng đen tối, cái vù ng lẫn nhau từng tắc đất thì để gi mang xác tàn phè về lại thành đô.

Mưa tiếp tục rơi. Giờ gác đã đến. Mình chầm nơi đây không cần hẹn hò gì cả ».

Định

oOo

Rồi những biển cổ tiếp nối những xáo trộn toàn diện. Những thằng trai đi không bao giờ trở lại trong chiến trận VN mà trong đó có một thằng người mang tên Định

TÔI vẫn sống bề-bết trong căn nhà này—cái căn nhà của một thằng người mang nhiều bi sử.

Một đêm mưa tầm tã, Tuyết về tìm Định nơi đây... Nàng cầu khẩn với tôi hãy cho nàng gặp Định để tỏ nỗi lòng. nếu không nàng sẽ tự tử. Tôi yên lặng trong phút giây... Nhưng sau phút giây tôi trả lời sao đây ? Định chết hay còn sống mà không thấy tin về.

Tuyết cầu khẩn mãi—tôi đành trả lời : Định đã chết rồi. Tuyết ạ ! Nàng hốt hoảng nhìn tôi : Sao ? a. a. anh nói sao ?

— Định đã chết rồi.

— Trời ! ! ! !

Mưa ào xuống chôn tôi và Tuyết trong đêm tối như một lần đã chôn tôi và Định.

THUY DƯƠNG TỬ

---

**Sắp xuất bản**

**▲ biển mẹ rừng mai**

**● hoa mặt trời**

của THUY-DƯƠNG-TỬ

**THẾ  
NHÂN**

# **biên - đông nhớ mẹ**

Kính tặng các bạn hiện đang  
chiến đấu ngoài tiền tuyến  
và kính dâng mẹ .

*Rời chốn thị thành từ dạo ấy  
Bước chân lảng tử của quân nhân  
Là con, con của mẹ kham khổ  
Không cửa không nhà mãi độc thân*

oOo

*Ngày tháng trôi qua sống tập đoàn  
Mẹ ơi ! con đã vượt gian nan  
Sa trường giết giết mòn tay súng  
Lớp lớp chinh y nhuộm máu tàn*

oOo

*Đêm lạnh chia nhau về khắp nẻo  
Con nằm đợi địch ở rừng hoang,*

Buổi về hôn mồi t# đôi mắt  
Tuổi trẻ chôn vùi với gió sương

oOo

Chưa biết bao giờ con sẽ về  
Vì đường đất nước ngập bùn mê,  
Hận thù tham vọng còn bùng cháy  
Là bước quân hành con mãi mê

oOo

Là chuyện gian nan con hãy còn  
Suối đèo hiểm hóc chốn rừng non,  
Sinh lây u tịch nơi hoang vắng,  
Con sẽ còn đi dạ chẳng sờn.

oOo

Là chuyện chia ly con phải chịu,  
Xa quê, xa bạn, xa người yêu,  
Xa nguồn an ủi thân từ mẫu,  
Ngày tháng trôi qua lệ thấm nhiều.

oOo

Và biết vì con mẹ mỗi mòn,  
Ngày ngày tựa cổng ngóng trông con  
Mơ ai có thấu lòng con trẻ,  
Mỗi lúc trông về dạ héo don.

oOo

Sương lạnh chiều nay, con nhớ lắm,  
Nhớ ơn Phiếu mẫu tóc đã phai:

*Tuổi già khuya động trời đông tái  
Tìm bóng con đi giữa quầng đời*

oOo

*Sương lạnh chiều nay con nhớ lắm...  
Nhớ mẹ và được sống gần mẹ,  
Làm sao chốn cũ mẹ cầu nguyện,  
Vận nước không còn nạn thảm thế,*

oOo

*Và người đang sống trong tao loạn,  
Đau khổ tan thương diệt bớt thù.  
Súng đạn gươm dao lè sát khí,  
Xóm người đẹp hẳn chỗ mình u.*

oOo

*Cùng phường bán nước quên lòng tử  
Gây rối tan thương mảnh đất nhà  
Xóa bỏ ước mơ huyền hảo đó,  
Đề thuyền đạo pháp khỏi phong ba .*

oOo

*Và với chính trường ngưng mộng lại,  
Đừng gây máu thuẫn bịp lừa nhau,  
Liên tôn đảng phái không nghi kỵ,  
Tướng lãnh, Chính gia đỡ chết mòn.*

oOo

*Chiến trường lúc ấy không còn rộng,*

Sông đạn dần dà sẽ bớt đi,  
Giọt máu chinh nhân được tiết kiệm,  
Và người chinh phụ khỏi lâm ly.

000

Lúc đó là con sẽ trở về,  
Bước chân lảng tử khỏi lệ thê,  
Đưa con chinh chiến về bên mẹ,  
Hạnh phúc êm đềm đón gió quê.....

T.N.



## cầu nguyện

Được tin cụ CHÍ-THIỆN, Trần-văn-Lợi, vị tuế nho của phong trào Phục Quốc-hội — Thất lạc ngày mùng 6 tháng 8 năm Bính Ngọ (20-9-66) tại Tòa Thánh Tây Ninh, hưởng thọ 81 tuổi.

Toàn' ban Quản trị tạp chí ANLẠC thành tâm cầu nguyện, hương linh cụ tiêu diêu miền LẠC ĐỘ.

# Tôi đi

Chiều nay mưa phủ đường quan ải.  
Áo chàng đượ sì lộng muôn phương  
Hỏi đi đâu giữa trời sương  
Chưa đi hàn gấm vết thương nhân tình.  
Chiều nay đi gọi bình minh dậy  
Xương máu lên hơi nghệt đất trời.  
Chàng đi góp gió muôn nơi.  
Ướp hoa từ ái cho đời lên hương  
Thăm thăm đêm sương...  
Tiếng ai nức nở đau thương.  
Hồn ai phiêu bạt lên đường chiến tranh.  
Ai đi xây dựng hòa bình.  
Ai gầy tang tóc đoạn tình nước non.  
Chuông đồ chùa ai...  
Ngân nga trên bến sông dài.  
Gọi ai về nẻo chân dài: Tung sương.  
Đâu đây  
Ai thở dài:  
Thương!  
Bờ càn dương liễu lên đường đêm nay.  
Trong sương thấp thoáng thuyền ai.  
Âm thầm lướt giữa sông dài đêm sâu.  
Bên bờ vọng hỏi đi đâu?  
Tôi đi xoa dịu vết sấu thể nhân.

Thích Pháp Minh

# Giáo lý Căn bản

(Tiếp An-Lạc số 2)

Hàn-mặc-Tử người theo đạo Thiên chúa giáo, thế mà đã học và nghiên cứu giáo lý đức Phật một cách thâm nhập. Hồn thơ Hàn-mặc-Tử đa phần là Phật giáo—và hiện tại những tâm hồn như họ Hàn không phải ít. Như vậy chúng ta đủ thừa hiểu Phật giáo đối với nhân loại như thế nào rồi.

Thế mà chúng ta quá diễm phúc được làm Phật tử hoặc tự xưng là con của Phật, nhưng một số ít người không hiểu giáo lý của đức Thế Tôn, thật là không gì tiếc bằng.

Phật tử mà không biết giáo lý thì chẳng khác nào người đi mà ăn bánh vẽ theo Phật giáo mục đích là tìm vui diệt khổ, thế mà chẳng được chút nào vui là tại mình không biết giáo lý hoặc không làm theo giáo lý.

Đức Phật đã để lại ba tạng giáo lý kinh điển chư tổ truyền lưu dịch giải và diễn nói biết bao nhiêu phương pháp siêu việt và gần đây Chư tôn Hoà thượng Thượng Toạ, Đại đức Tăng ni, các vị cư sĩ đã nương theo trước tác, dịch giải hoặc viết chép giảng nói biết bao nhiêu môn pháp cao siêu trung cấp có, sơ cấp có, đủ trình độ—Thế mà mãi đến nay trong hàng Phật

từ chúng ta vẫn còn có một số ít người chưa biết gì về phần giáo pháp của đạo Phật cả.

— AN-LẠC tạp chí ra đời với một mục đích đem nguồn vui về gần với tất cả vì thế nên ngoài các mục phổ thông hoặc ngoài các bài giáo lý siêu đẳng của chư Thượng toạ Đại đức ; Chúng tôi còn thêm một mục giáo lý căn bản dành riêng quý vị sơ cơ để nghiên cứu để học thuộc lòng để dạy lại cho con cháu hoặc người chung quanh. Khi biết rồi thì dễ nhớ và dễ thực hành theo con đường thiện, con đường chánh Mặc dù việc làm hơi chậm và bé mọn. Không thấm vào đâu. Nhưng thà đốt một ngọn nến giúp sáng một góc nhà còn hơn ngồi mà nguyên rửa bóng đêm.

Kính mong quý vị thiện hữu gần xa lưu tâm góp ý và mong các giới Phật tử gắng đọc, gắng suy nếu có vị nào phát tâm học thuộc lòng và làm đúng theo càng quý.

#### **Nam mô A di đà Phật tác đại chứng minh**

Đề tiếp theo An-Lạc số 2 và mở đề vào bài giáo lý hôm nay chúng tôi xin quý vị hãy tự xem mình đã quy y Phật pháp Tăng chưa và nếu quy y rồi xin quý vị thử kiểm điểm mình đã thọ lãnh năm giới cấm chưa, nếu đã thọ lãnh rồi thì tự nghĩ mình có giữ được không, giữ được mấy giới và có phạm giới nào không ?

Xin dành riêng một phút suy tư

Quý vị đã suy tư rồi bây giờ xin mời quý vị trở về với thực tại. Phần căn bản của người Phật tử là phải biết 3 quy y và 5 giới cấm. Nếu ai chưa biết xin mời nghiên cứu, nếu ai chưa quy y xin hãy quy y, nếu ai chưa thọ giới xin mau mau lãnh thọ, nếu ai thọ rồi mà quên xin nhớ lại và nếu ai nhớ mà không thực hành đúng thì xin khuyên là phải thực hành cho bằng được vì không có 3 quy y và 5 cấm giới thì chưa phải là Phật tử hoặc nếu không giữ thì cũng không phải là con của Phật.

Ba quy y và năm cấm giới quan trọng đối với người Phật tử vô cùng, nó là nền móng căn bản cho tất cả những ai muốn theo Phật và muốn thành Phật. Số 5 đến chúng tôi xin phân giải rõ ràng ba quy y và năm cấm giới. Hay nay và đề liên tục bài trước nên chúng tôi xin ghi mười nghiệp lành :

- 1) Không tàn sát = mà lại hộ Sanh mạng
- 2) Không cướp trộm = mà lại bố thí
- 3) Không dâm dục = mà lại phạm hạnh (tâm lý  
trình bạch)
- 4) Không nói dối trá = mà nói chân thật
- 5) Không nói thêu dệt = mà nói đúng lý
- 6) Không nói ly gián = mà nói hòa giải
- 7) Không nói thô độc = mà nói nhu hòa
- 8) Không tham lam = mà hỷ xả
- 9) Không sân hận = mà phải từ bi
- 10) Không tà kiến = mà chánh kiến

Nếu ai muốn được an vui hạnh phúc, thì nên tu theo mười điều lành ghi trên đây. Nếu sợ quên quý vị nên lấy giấy viết 10 điều này chữ lớn, dán ngay vào vách trên đầu giường hay ngay bàn ăn bàn học cũng được, nhớ mỗi bữa trước khi đi ngủ hoặc lúc thức dậy nên đọc đi đọc lại 3 lần vì chính nó là bùa hộ mạng cho chúng ta linh nghiệm vô cùng khi đã thâm nhập vào tiềm thức và thể hiện vào việc làm thì chẳng những một mình chúng ta hưởng niềm AN-LẠC mà cả gia đình và nhiều người chung quanh chúng ta cũng đều chung hưởng.

(CÒN TIẾP)



---

***Kẻ nào chỉ nghĩ sống cho  
riêng mình thì tốt hơn đừng  
nên sống***

---

THỬ QUAY LẠI KHÚC PHIM RỪNG RỖN.

# HAI QUẢ BÔM NGUYÊN TỬ NÉM XUỐNG NHỰT

☛ Từ Potsdam đến Hiroshima ?

☛ Việc sáng chế bom nguyên tử của Hoắc?

☛ Sự tàn phá kinh khủng của bom nguyên tử?

*Sưu tầm của NGUYEN QUANG*

**N** HỮNG trang sử nghệt  
thở nhứt của thế kỷ XX» là tác phẩm  
do nhứt báo New-jork Times (Nữ  
Ước Thời báo) xuất bản phát hành  
ghi lại khúc phim bi thảm nhứt của  
nhân loại nói chung và dân tộc Phù  
Tang nói riêng,

Và, những trang sử nghệt  
này báo hiệu thời đại nguyên tử bất  
đầu lớn mạnh sau Đệ Nhị Thế Chiến  
đề Hoa Kỳ độc quyền vô khí này có

thề giữ vững nền hòa bình nhân  
loại ?

Song, chẳng bao lâu, dưới bóng  
mặt trời vẫn không có điều chi bi  
mật và có thể độc quyền cả. Vì N.S  
lúc ấy lại đang cho thí nghiệm nổ  
luôn một giây 50 quả bom nguyên  
tử,

Mùa hè năm 1945; trong một  
chiếc trực thăng đang mang nặng  
những « điều bí mật của khoa học  
nguyên tử », Hoa Kỳ đã cho nổ quả

**Bom nguyên tử đầu tiên, để chấm dứt ngay toàn bộ quân lực Nhật bỏn mặc đầu nước này đã nhiều lần nhờ cậy Nga Sô làm trung gian cho Nhật nghị hòa với Đồng Minh.**

Hội nghị Thượng đỉnh Potsdam đã đồng thanh quyết nghị ném bom nguyên tử xuống đất Nhật và, trang lịch sử đau thương của dân chúng thành phố Hiroshim, một đô thị lớn lao giữa thế giới đã « ă » bom nguyên tử.

Tác phẩm nói trên đã ghi lại những giờ phút hồi hộp nhưt của thế giới hôm qua làm sáng tỏ tình hình quốc tế ngày nay, trong khi « chế độc quyền bom nguyên tử » xét ra, đã bị tiêu diệt.

### Từ Potsdam tới Hirohima :

Giữa một vườn rau cải chạy dài ra cửa ngõ thủ đô Đông Kinh, những nhân viên truyền tin lổ lạc nhưt của Thủy Quân Hoàng gia Nhật, ngày đêm, chăm chú điều khiển 181 chiếc máy thu thanh có nhiều lưỡng điện mạnh nhưt.

Những nhân viên chuyên môn này đều có bôn phận khám phá và ghi nhận những tin mật của

Hoa kỳ song, sáng tinh sương ngày 6-8-45, những nhân viên trực đêm lần thứ nhưt đã bắt được tin lạ do đài bí mật phát thanh sau ba tuần lễ theo dõi công tác này.

Các nhân viên hiệu thính, lúc bấy giờ đều đang công tác tại đảo Tể an (Tinian) và, xét ra, vào cuối tháng 7, đã nghe được hằng ngày những tin mật về cuộc đổ bộ lên đất Nhật nay mai của quân đội Đồng Minh.

Ban ám hiệu của Tokyo, sau khi lấy được những tin mật của Hoa kỳ đã tỏ ra khó lòng khám phá nội dung tinh thần của chúng nhưng các nhân viên hiệu thính-toàn thể những tay chuyên môn nhưt của Nhật—đều vẫn khó nổi hiều những tin mật Hoa Kỳ,

Vì vậy, các nhân viên hiệu thính này, làm sao, đều có thể lập hồ sơ biên bản, sau mỗi lần nhận được những tin mật như thế và đại cương, chỉ hiều rằng trong nay mai—một ngày rất gần đây—lực lượng Đồng Minh sẽ đổ bộ lên đất Nhật:

Một lực lượng lễ tất nhiên vô cùng bí mật và quyết tử, và lực lượng này sẽ có thể là Phi đoàn 509 chiến đấu oanh tạc cơ có trách nhiệm chấm dứt tiêu diệt quân lực Nhật, bằng cách ném quả nguyên tử đầu tiên xuống đất địch.

Trong thời gian ấy, tại trận Châu Cảng (Pearl Harbor), tại Guan tại Mnnille, quân đội Đồng Minh đang ráo riết lên đường đánh bại Nhật, mà mục phiêu chính là phải chiếm ngay các Hải cảng, quân cảng và thứ nhất chiếm cứ phía tây phi trường Kyushu, sau khi ném bom tàn phá địa điểm then chốt này.

Và để thực hiện được hoàn toàn mục phiêu này, kế hoạch của Đ.M. sẽ có kết quả ngay đề sau vài tháng. Thủ Đô Đông Kinh, chắc chắn, sẽ bị quân Đồng Minh chiếm đóng để kết liễu Đế nhị thế chiến, trong lúc Đức Quốc Xã đã đầu hàng ở Âu châu và Nhật đang cầm cự ở Thái bình dương.

Kế hoạch của AM tấn công Nhật là một tài liệu vô cùng bí mật gồm có 40 trang đánh máy chặt

và 42 chiếc hàng không mẫu hạm chuyên làm không vận, 24 khẩu súng nặng dùng bắn phá trước khi ném bom, 212 tiềm thủy đình và 183 chiếc tàu hộ tống yểm trợ cho lực lượng đổ bộ.

Sáu sư đoàn pháo binh đều chớp nhoáng đổ bộ lên đất địch vào ngày giờ phút nhất định (aujaer J) có 3 sư đoàn khác đều tức tốc có trách nhiệm tiếp trợ 3 sư đoàn xung kích trước, còn 4 sư đoàn khác đều lập thành đạo quân căn hậu.

Tính chung trong cuộc đổ bộ này đã có 750,000 chiến binh thiện chiến nhất của ĐM tham dự.

Kế hoạch đổ bộ thứ hai lại chuyên chú bằng mọi phương tiện tiền bạc và nhân mạng, để thâm lược tin tức của đối phương, trước ngày khởi thế công.

Song, kế hoạch thứ nhất, tương đối và tuyệt đối, đã nắm đủ tin tức và các diễn biến của địch rồi.

Những tin tức tài liệu của địch, ngày ấy, đã cho biết rằng, phi trường Kyushu đang được lực lượng Nhật chia nhau cố thủ từng vùng, một cách mạnh mẽ.

Vì thế, ĐM đã nhứt định tung ra những thiết giáp xa hạng nặng, sau khi ném bom san bằngpitruông địch, mặc dầu trong giờ phút ấy, quân Nhựt đã cố sức bảo vệ các bãi biển, chống cuộc đổ bộ ào ạt của Đồng Minh bằng cách gài mìn khắp nơi các bãi biển

Những vùng lân cận chạy dài theo các bãi biển đều được Nhựt tăng cường tối đa để cố thủ và những đường hầm đều được nhanh chóng đào thêm, cho nên khi quân ĐM tiến mạnh vào Okinawa đã gặp nhiều sức nhống cự mãnh liệt và nhiều chiến lược trá hình của đối phương...

Trong khi tấn công Okinawa một quân nhân Hoa Kỳ trong ba phải bị địch bắn ngã tại chỗ, hoặc bị thương nặng hay bị mất tích.

## Tranh thủ thời gian

Mặc dầu trong lúc ấy, dường như đang có sự muốn cầu hòa của đối phương nhưng, ngày 6-8-1945, thời gian đã chóng qua rồi,

Chánh phủ Hoàng gia Nhựt yêu cầu Nga xô—Lúc này ở ngoài

trận chiến Thái bình Dương—đứng ra làm trung gian cầu hòa cho Nhựt.

Ngoại trưởng Nhựt, lúc này là ông Shigenori Togo đã cho lệnh ông Naitake Sato, Đại sứ Nhựt tại Mạc tư Khoa trình bày ý kiến cầu hòa với ông Molotov, Ngoại trưởng Nga xô và yêu cầu ông này nếu chấp nhận trên nguyên tắc chánh phủ Đông kinh sẽ gửi ngay đặc phái đoàn cầu hòa và nhà vua Nhựt sang Moscou ngay.

Đại sứ Sato một nhà ngoại giao lỗi lạc nhất thời đại có đầy đủ kinh nghiệm nghề nghiệp mặc dầu đang có mặt tại nhiệm sở, đã linh động hiểu thấu thực trạng đất nước của ông dưới sự mạnh của ĐM.

Ngày 1-9-1945, sót thương quê hương đang và sẽ trải qua những giờ phút đen tối nhất của lịch sử và, chắc chắn, dân chúng Nhựt đã khờ vì chiến tranh sẽ bị tàn phá chết chóc trong cuộc đổ bộ nay mai của ĐM nên ông đã yêu cầu chánh phủ Đông Kinh nên sớm cầu hòa, mặc dầu với giá cả nào đi nữa.

Nhật Bản, lúc ấy, lẽ tất nhiên đang bị cô lập và chẳng có đồng minh chi cả nên đầu cố tìm kiếm cảm tình của các lân bang, vẫn trợ trợ một mình.

Vi vậy, đại sứ Sato nhất định với nhà vua và chánh phủ, mặc dầu voi giá nào đi nữa, xin cầu hòa, đề quốc gia Phú Tang sẽ tồn tại và ngôi báu của nhà vua sẽ hoàn toàn bền vững là hay là quý vậy.

Đề nghị của Sato được ngoại trưởng Tago và Thủ tướng Kantaro Suzuki đều chấp thuận, tuy nhiên chỉ có một điều đề nghị đối với Sato trong lúc ở xa xứ lâu ngày—quê hương đang bị bom đạn phi cơ tàu chiến của ĐM làm tan nát thành trăm ngàn nước mành, làm sao, ông này hiểu đây đủ những trận đánh tàn khốc đã qua và đang tiếp diễn?

Tháng 4 năm 1945, sau khi Suzuki lên ghế thủ tướng đã có ý định cầu hòa, nhờ đa số nghị sĩ trong Thượng Hội Đồng Quân lực và vì thế, chánh phủ của ông thành lập toàn hợp, để lèo lái để đàng

con thuyền quốc gia một cách mau lẹ chấm dứt chiến tranh có hiệu quả bằng cách cắt đứt Togo và Tổng trưởng Bộ Hải quân là ông Itonai nắm giữ.

Nhưng Anami, Tổng trưởng bộ chiến tranh và các sĩ quan cao cấp trong Tổng tham mưu Lục Thủy quân Nhật, lúc bấy giờ, đều cực đoan, nghĩa là còn muốn kéo dài trận chiến chống ĐM.

Vi vậy, tình trạng đen tối của đất nước Nhật, lúc này, đã thấy khó lòng giải quyết để thoát khỏi ngõ bí, vì trong Nội các chánh phủ Suzuki đang có 3 thân hòa và 3 thân chống.

Hiro-Hito, Thiên Hoàng của Nhật lại muốn chấm dứt ngay chiến tranh và, đúng như thế, bắt đầu tháng 2.1945, Nhà vua bắt đầu thăm dò ý kiến Thủ tướng Suzuki.

Tuy thế, sự thật, Nhà vua, đối với tình hình chánh trị trong nước theo hiến pháp, chẳng có một quyền hạn nào cả, cho nên Ngài chỉ lấy cảm tình cá nhân thăm dò ý kiến các chánh khách thủ lãnh đảng phái mà khó lòng tuyên bố công

khát muốn hòa giữa Quốc hội Nội Các.

Ngày 18-6-1945 đã thấy có một vài tia hy vọng đều có thể cứu nguy cho đất nước Nhật là, Nội Các Chánh Phủ đã hoàn toàn đồng ý cày nhờ một vài quốc gia trung lập cố gắng điều giải đề Nhật thương thuyết đình chiến.

Sự kiện này không có nghĩa đầu hàng, mà là một cuộc thương nghị đề đi đến chỗ đình chiến.

Đồng thời, trong lúc này, tại Hoa thịnh Đới, Chánh phủ thân thiện của T.T Truman hợp các tướng lãnh số vấn quân sự cứu xét vấn đề tấn công hay chưa tấn công cách ném bom nguyên tử xuống đất Nhật, nhưng cuộc hội nghị cao cấp này vẫn chưa hợp như ý kiến

Dù sao, sau khi Hội nghị nói trên bế mạc, được đa số thẩm chấp thuận T.T Truman thẳng thắn đã quyết định cho ném bom nguyên tử xuống lãnh thổ Nhật và, việc tấn công Nhật, như thế, đã như định thực hiện vào tháng 11-1945

Chiến tranh, mặc dầu, không

nhưng chỉ ghi đậm vào nhật lệnh của T.T. Harry Truman trong ngày 18-6 vì tại Wasinghton cũng như tại Đông kinh, người ta vẫn đang lo thực hiện hòa bình mau lẹ và, nói cho đúng cả hai chiến trường này đều mong muốn có cuộc lui binh.

Ngày ấy, Ngoại trưởng Joseph Grew, hội nghị tay hai với Tổng Thống về việc, nếu Nhật chịu đầu hàng sẽ được quyền lưu lại Nhà vua trên ngai vàng, bởi có thể, Nhật mới có thể chấp nhận yêu sách này.

Cho nên, Ngoại trưởng Hoa Kỳ đã đề nghị yêu cầu T.T Truman sớm công bố một bản tuyên ngôn lược Nhật đầu đầu hàng, mà nhà vua vẫn tại vị.

Lời đề nghị này đã được Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ lúc bấy giờ, là ông Stinton tán trợ, nên T.T. Truman đã chấp nhận với điều kiện là T.T. cần phải đưa ra thảo luận một lần nữa trước Hội nghị T.T. trọng đỉnh sẽ nhóm họp ngay mai tại Potsdam.

Và TT đã yêu cầu ngoại trưởng Grew ghi chép vào sổ tay, để ông có thể trình bày rõ ràng trước Hội nghị Tam cường sẽ nhóm họp nay mai.

Trong những thời gian ấy, tại Nhật Bản, chính tinh nước này đang bắt đầu hoạt động và trong kỳ Hội Đồng Nội Các chính phủ nhóm họp vào ngày 18-6-1945, Ngoại trưởng Togo yêu cầu nguyên Thủ tướng Koki Hirota đến gặp ông Malik đại sứ Nga số đề yêu cầu ông này thương thảo với Chính phủ Nga số đứng ra giải quyết giúp cho Nhật về vấn đề chiến tranh,

Hai lần gặp gỡ, trong một tuần lễ, vào ngày 24 và 29-6-1945, ông Hirota đại sứ đặc biệt của Chính phủ ĐK đã gặp gỡ đại sứ Malik, vẫn chưa thỏa nhận được một vài điều kiện kết nào khả dĩ thỏa mãn vấn đề.

Và, một cuộc gặp gỡ lần thứ ba « Đại sứ trầm lặng » của Nga số đã trả lời cho Hirota rằng là ông rất ái ngại lắm về số phận mỏng manh của Nhật.

Trong lúc này, thời gian vẫn vụt

qua mau quá, đề đến nỗi chính phủ Suzuki vẫn không chụp nắm và giữ thời gian lại.

Tại Potsdam, ngày 24-7-1945, Ngoại trưởng Stimson, bắt đầu gặp TT Truman trong 15 phút, đã đề trình cho TT hay rằng, qua bản phúc trình của Thứ trưởng Ngoại giao là ông James Byrnes, ước ao rằng TT, trong bản tuyên ngôn về chiến tranh với Nhật, không nêu vôi vàng đá động đến vai trò của Nhà Vua, vì Thủ tướng Churchill đã không đồng ý về điểm này.

Bản tuyên ngôn này chỉ có tầm quan trọng gò bó chính phủ Đồng Kinh muốn hòa hay chiến và, nếu chịu hòa, thì chính phủ tương lai sẽ tùy thuộc vào sự lựa chọn của toàn dân, toàn quân của nước này nhưng không ngoài chế độ cộng hòa dân chủ rộng rãi.

Và ngày 25-7-1945, quyết nghị quan trọng nhất của chính phủ HTĐ, là TT Truman nhất định cho ném bom nguyên tử xuống Nhật, nếu Nhật không chịu chấp thuận bản tuyên ngôn Potsdam.

Sắc lệnh này, sửa chữa, thêm bớt thực hiện tại Washington, đã gửi bằng máy bay qua không phận Thái bình Dương cho đến hải đảo Tô-an (Tinian).

Nhưng, ngày 26-7-1945 mới là ngày chính thức quyết định công khai ra bản tuyên cáo chung với sự đồng ý của Hoa Kỳ, Anh quốc, có đại diện Trung hoa Dân quốc ký tên vào bản tuyên ngôn và, Nga Sô lúc này, chỉ thủ vai « quan sát viên » để làm cho bản tuyên ngôn Potsdam được muôn phần hiệu lực.

Tại Nhật Bản, như hai ông Stimson và Grew đã tiên đoán, chánh phủ của nước này đang băn khoăn và á ngại vô kể, vì bản tối hậu thư của ĐM lại không có điều khoản nào nói về sự trường tồn của cái ngai vàng Nhà vua cả.

Hội nghị Thượng đỉnh về vấn đề chiến tranh chống Nhật và Tổng Tham Mưu quân lực ĐM lại còn không thấy có nói chi đến những danh từ không chấp nhận vì, hội đồng Tỉnh trưởng của chánh phủ Hoa Kỳ sau những lần tranh luận sôi nổi, đã đồng ý đề mặc Đông

Kinh toan hiệu thái độ.

Thế rồi, chẳng bao lâu thống chế Staline đã cho T.T. Truman hay rằng, thái độ của Đông Kinh đã đang tỏ ra, lúc này, rất lỏng lẻo và mập mờ, nếu chú tâm theo dõi nghiên cứu, và do lời nhận xét của vị thống chế Nga Sô cho rằng Nhật « đang cần biết» đến bản tuyên ngôn Potsdam, lại làm cho Truman vững giữ lập trường và ra lệnh thi hành thi hành ngay nhật lệnh của ông đã gửi qua hải đảo Tể an vào ngày 25-7-1945.

Tất nhiên, tại hải đảo bé nhỏ này lại ào ạt dâng lên những phong trào chống Nhật, trong nháy mắt đã thu hồi ngay những lễ lối ngoại giao bằng văn kiện.

Căn bản của vấn đề chánh trị ngoại giao của ĐM và Hoa kỳ tiếp diễn trong 6 năm trước, chứ đâu phải mới một ngày hay hai bữa hoặc đôi ba năm mới có?

## **Thời đại nguyên tử bắt đầu xuất hiện**

Tháng giêng năm 1939, các nhật

báo Hoa Kỳ đã loan tin rằng các nhà thông thái Đức quốc đều thành công trong việc nghiên cứu phát minh bom nguyên tử.

Các nhà bác học sáng chế vũ khí nguy hiểm này đã cho biết sẽ giúp Hitler thắng thế trong trận giặc thứ hai và tàn sát nhân loại một cách vô cùng thâm hiểm.

Hai nhà vật lý học người Hung gia Lợi, mà một người tên Leo Szilard, đã tự dấu mình trong các phòng thí nghiệm của nước Đức, trong lúc thanh thế của Hitler đang lên cao và chói sáng.

Cả hai nhà thông thái này đã nhiều lần chạy tìm đến hỏi ý kiến nhà thông thái Einstein tại tư thất của ông này ở vùng Long Island.

Với danh nghĩa đại diện các nhà bác học thế giới, hai nhà thông thái Hung gia Lợi đã cậy nhờ Einstein cho TT Roosevelt hay rằng, Đức quốc xã, trên lãnh vực nghiên cứu sáng chế vũ khí nguyên tử, đang tiến hành kết quả,

Sự thật, nhà bác học Einstein vẫn chưa nắm vững tài liệu sáng chế bom nguyên, những oai danh của ông là một bằng chứng lẽo mạnh, để T.T Roosevelt có thể tin tưởng sự việc.

Nhờ sự nghiệp, nên Einstein đã kết thân với TT Hoaký và còn tăng thêm uy thế của ông đối với Hoàng gia nước Bỉ nữa. Vì xứ Coupo, lúc ấy, là thuộc địa của nước Bỉ đang có nhiều mỏ « uranium ».

Trước vấn đề quan hệ, Einstein đã không ngần ngại vui lòng viết thư gửi thẳng đến tay T.T Roosevelt và hai nhà thông thái Hung gia Lợi lại yêu cầu nhà triệu phú Alexander Sachs của thành phố New York hỗ trợ giúp vốn thực hiện kế hoạch sáng chế bom nguyên tử.

Bằng chứng, Bernard Baruch cũng là một triệu phú gia, lúc bấy giờ, vẫn còn ngần ngại, vì ông này đương kim cố vấn chánh thức tại Tòa Bạch Ốc, không chịu bỏ tiền bảo trợ, nên đã sớm đem la thư giới thiệu 2 ông của Einstein đến tận tay T.T Roosevelt.

Sachs đã đệ trình tài liệu đến vay TT Hoa Kỳ vào tháng 10-1939 và tài tuần lễ, sau khi Hoa Kỳ tuyên bố tham chiến chống bên cạnh ĐM và T.T. Roosevelt mặc dầu cảm thấy sự việc chế bom nguyên tử rất linh nghiệm và đặc sách, nhưng ông vẫn dè dặt bảo rằng, việc này cần phải nhường chỗ lại cho 20 mục tiêu quân sự khác đều đang được thi hành.

Tuy nhiên, dù sao đi nữa, T.T vẫn vui lòng ra lệnh cho mời 2 nhà bác học Hung gia lợi đến dự bữa cơm thân mật với T.T, đề câu chuyện bắt đầu thân thiện,

Sachs khi ra khỏi Tòa Bạch Ốc đã thức trắng một đêm, tìm kiếm phương thế làm thỏa mãn hai nhà bác học đang có thiện chí đứng bên cạnh ĐM đề phục vụ hòa bình thế giới

Trong lúc TT, Roosevelt đang điềm tâm một mình ở văn phòng làm việc tại tầng lầu thứ nhứt Tòa Bạch Ốc và khi Sachs gõ cửa xin vào yết kiến đã được T.T. hỏi :

— Ông bạn có ý kiến nào hay và qui vào buổi sáng này nhỉ ?

Ông Sachs trấn trọng trả lời :

— Đang có một vấn đề quan trọng cần thưa chuyện và trình bày với Tổng Thống...

Và ông bắt đầu kể lại, thao thao bất tuyệt với lòng chân thành với ý niệm phục vụ hòa bình thế giới rằng, ngày xưa, Đại đế Nã pha Luân, sơ dĩ, đã dè mất một dịp may hiếm có chỉ vì hình ảnh ham muốn đánh chiếm Anh quốc,

Kế hoạch xâm chiếm Đảo quốc này, phần lớn đã làm cho Đại Đế Napoléon lùi bước vì những giòng nước chảy mạnh của Biển Manche là một lối bất lợi cho các chiến thuyền của Ngài, nên lúc bấy giờ, để giúp ý kiến chinh phạt, của đại đế, một nhà sang chế còn trẻ người Hoa kỳ tên Robert Fulton đã góp ý kiến rằng, nước Pháp nên đem thành lập một hạm đội bằng thuyền chạy bằng hơi nước, mới có thể vượt qua biển Manche để dàng không nguy hiểm :

Nếu, trước lời thanh thật ấy Đại đế Napoléar chấp nhận ý kiến của Fulton, thì Anh quốc đã bị



*Quả Bom nguyên tử  
đầu tiên của Hoa Kỳ  
ném xuống Nhật và  
nó đang tàn phá đây !*

hoàn toàn nằm trong tay nhà vua  
bách chiến bách thắng này rồi.

Và, kính thưa T.T. Roosevelt,  
trong thế giới năm 1939, phải chăng  
là lần đầu tiên cần phải khuyến  
khích những nhà thông thái sáng  
chế bom nguyên tử, để thực hiện  
nhận lễ võ khí thượng thắng mới  
và chiếm thiên hạ mà giữ vững nền  
hòa bình nhân loại,

T.T. Roosevelt, lắng thính, theo  
đôi, nghe ông Fulton kể chuyện với  
sét mặt suy tư và mặt nạ cười

duyên dáng thường lệ, ngay lúc  
đó, TT liền nhắc « Ông nói » lên,  
mời Đại tướng Ervin Watson có cái  
biệt hiệu « Pa » là bí thư của TT  
đem cho TT xem hồ sơ :

— « Pa », TT nói, hãy nghiên  
cứu vấn đề này.

Và, như thế, chẳng mấy chốc,  
chánh phủ Hoakỳ đã lưu tâm đến  
việc sáng chế bom nguyên tử

(còn tiếp)

Mái

Chùa

Hòn

Dân

Tộc



Tạp chí An-Lạc đang sưu khảo sự tích và hình ảnh của các ngôi chùa tại V.N. được nhiều màu sắc dân tộc. Trong khi chờ đợi tài liệu các nơi gửi về cho đầy đủ, chúng tôi xin mời toàn thể Phật tử và những người bạn của Phật tử V.N. hãy cùng quý Thượng Tọa: Thích Minh-Châu, Thích Huyền-Vi, Thích Thiện-Châu và Pasadika đi chiêm bái các Phật tích để được hiểu qua hần dân tộc Ấn-Độ, ẩn trong chùa.

A.L.

## VƯƠNG XÁ

(Rajgir)

T.T. MINH-CHÂU • THIỆN-CHÂU

HUYỀN-VI • PASADIKA

SUỐI NƯỚC NÓNG (tiếp theo số 2)

**P**HÍA đông bắc ngôi chùa, giữa dòng suối chảy trên đá nổi lên một tảng đá lớn. Đó là chỗ Đức Như-Lai phơi áo ca sa. Gần đó trên một tảng đá có dấu chân Đức Phật, Dấu hình bánh xe ở ngoài đã lu mờ, nhưng vẫn còn nhận được. Trên đỉnh dãy núi phía bắc có một ngôi tháp. Từ chỗ đó đức Như-Lai nhìn thấy thành Ma-Kiệt-Đà, ngài đã thuyết pháp liên tiếp trong bảy ngày tại đây. Về phía tây, do cửa thành phía bắc, có ngọn núi gọi là Vipula-giri. Theo tục truyền của dân trong làng thì phía bắc của những kẽ núi về phía tây nam trước kia có đến 500 suối nước nóng, nay chỉ còn độ mười suối, vài suối ấm, vài suối lạnh, nhưng không có suối nào nóng sôi. Tại miệng các suối nước nóng, có đặc những tảng đá chạm hình sư-tử, hoặc đầu voi trắng. Nhiều chỗ có đặt những ống dẫn nước, nước chảy trong các ống dẫn nước về phía trên, phía dưới có những hồ nước bằng đá, nước chảy vào như hồ tắm. Dân chúng các nơi thường đến tắm ở các hồ ấy. Những ai có bệnh, sau khi tắm có thể lành. Hai bên những suối nước nóng, có nhiều tháp hoặc chùa đồ nát, không cách nhau xa lắm, tại những chỗ ấy, bốn đức Phật quá khứ đều đến tọa thiền hoặc đi kinh hành, và còn để lại những dấu tích. Những địa điểm này đều được bao bọc bởi những dãy núi, và có đầy đủ nước dùng, nên những nhà trí thức đến ở, có nhiều vị tu sĩ Ấn cũng sống trong cảnh thanh tịnh này.

Về phía tây các suối nước nóng là nhà đá Pibala. Trên đỉnh Vibulaj có một ngọn tháp. Đó là khi xưa đức Phật giảng Chánh pháp. Hiện những người theo đạo «ở trần» (Nigranthas) thường đến tại chỗ ấy rất đông. Họ tu khổ hạnh ngày đêm không dừng nghỉ, từ sáng đến chiều tối, họ đi vòng quanh các ngọn tháp, chiếu ngưỡng rất thành kính.

Phía trái của thành phía bắc, đi về phương đông, về phía bắc của vực núi, phía nam độ 2, 3 dặm, chúng tôi đến một nhà đá lớn, chính là chỗ xưa kia Đê-Bà-Đạt-Đa thiền định.

Từ cửa thành phía bắc: đi độ một dặm, chúng tôi đến chùa Karandaveluvana, tại đây nay chỉ còn một nền đá và thành bằng gạch của ngôi chùa xưa.

Phía đông chùa Karandaveluvana có một ngọn tháp. Ngọn tháp này do Vua A-Xà Thế lập nên. Sau khi đức Như-Lai nhập Niết-bàn, các vua chúa phân chia Xá-Lợi. Vua A-Xà Thế đem phần của mình về và xây dựng tháp đề cúng dường chiêm bái, Khi Vua A-Dục trở thành Phật-tử, ngài mở ngọn tháp ấy lấy Xá-Lợi và tự mình dựng lên một ngọn tháp khác. Ngôi tháp này luôn luôn tỏa ánh sáng rất kỳ diệu, một bên ngọn tháp của Vua A-Xà-Thế có một ngọn tháp khác dựng nửa phần Xá-Lợi của đức A-Nan.

Về phía Tây nam Trúc-Lâm Tịnh Xá độ 5, 6 dặm, về phía bắc của ngọn núi phía nam có một rừng trúc. Giữa rừng trúc ấy, có một nhà đá rất lớn. Tại đây, Đại-Đức Ca-Điếp với 499 vị A-La-Hán, sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, đã triệu tập một Hội nghị đề kiết tập tam tạng.

Phía Tây bắc chỗ Đại-đức Ca-Điếp triệu tập hội nghị có một ngọn tháp. Đó là chỗ đức A-Nan, sau khi bị các Đại-đức khác không cho dự hội nghị đến ngồi một mình im lặng và chứng quả A-La-Hán. Sau đó Ngài được mời dự hội nghị.

Đó đi về phía tây độ 20 dặm, có một ngọn tháp do Vua A-Dục dựng lên. Đó là chỗ mà Giáo-hội Tăng già họp đề kiết tập kinh điển. Phía bắc Trúc-Lâm Tịnh-Xá đi bộ hai trăm thước, chúng tôi đến hồ Karanda. Phía tây bắc hồ ấy độ 2, 3 dặm có một ngọn tháp do Vua A-Dục dựng lên. Ngọn tháp ấy cao độ 60 feet, và trên đỉnh có hình một con voi.

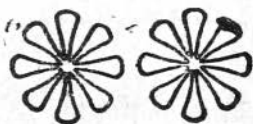
Đi về phía đông đặc trụ đá không xa lắm, chúng tôi đem thành Vương-Xá, Bức thành ngoài đã bị phá hủy không còn dấu tích gì. Bức thành trong, mặc dầu bị đồ nát vẫn còn có những chỗ cao hơn đất bằng và độ 20 dặm vòng tròn,

Tương truyền Vua A-Xà-Thế trước tiên lập thành này, và vị Vua kế vị khi lên ngôi, cũng xem thành ấy là kinh đô, mãi cho đến đời Vua A-Dục vua này dời đô ra Pataliputra và giao thành Vương-Xá chỉ hành Bà-La-Môn. Vì vậy thành Vương-xá không dân chúng ở, mà chỉ có các nhà Bà-la-môn ước độ 1000 gia đình.

Tập ký sự của Ngài Pháp-Hiền và Ngài Huyền Trang thì rất rõ ràng những Thành tích còn lại ở thành Vương-xá. Và số bác cổ hiện tại cũng nung nhiều theo 2 tập ký sự trên để tìm những chỗ đã được tả một cách kỹ càng như vậy. Chỉ tiếc hiện nay không còn tất cả những ngôi tháp mà Ngài Huyền-Trang đã thuật. Do đó khó tìm ra tất cả những Thành tích được trong tập ký sự của hai Ngài,

■ CÒN NỮA ●

*(An Lạc mong được nhận tài liệu của các chùa trong toàn quốc)*



## Cáo lỗi

Loạt bài DANH LAM NƯỚC VIỆT tạm gác lại một kỳ vì còn chờ tài liệu các tỉnh (nhất là tỉnh Phú Yên) gửi về.

— Trong thời gian chờ đợi xin các nơi gửi cho tài liệu Danh lam nước Việt thuộc các địa phương (có kèm ảnh càng hay).

(Toà soạn An-Lạc mong đợi)

# ETS. VIỆT-HOÀ

TỔNG ĐẠI LÝ BỘT NGỌT

Chuyên bán các thứ rượu tây, đồ hộp thỏ sản  
tạp-hóa, bột-năng, hiệu ba-sao  
nguyên-liệu hóa-học v. v...

Số 37, Đường Trịnh-Hoài-Đức  
Điện-thoại : 36933

CHOLON

Nhà  
thuốc **KIM-SƠN**

*Chuyên sản xuất :*

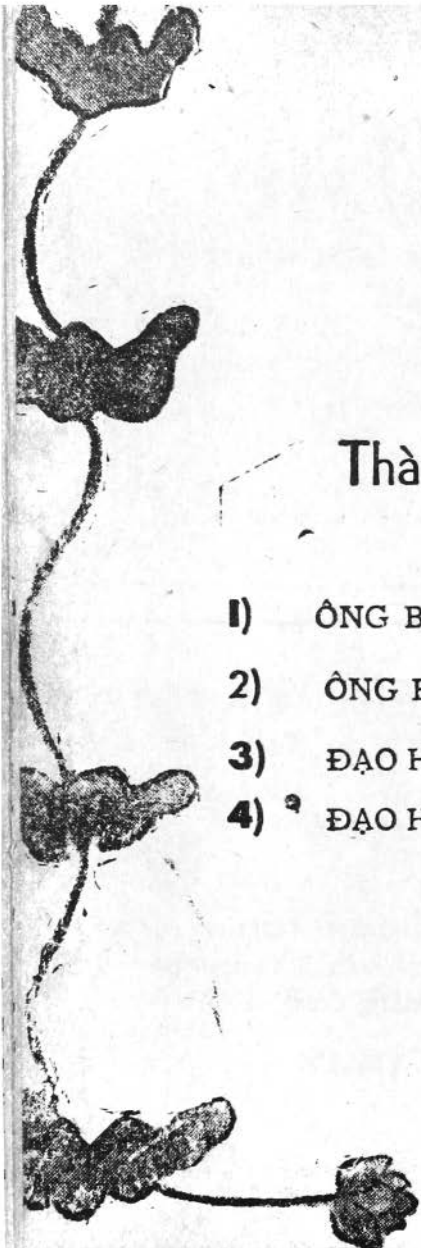
☞ Cao đơn hoàn tán

và chuyên trị các chứng ho của trẻ em

☞ AN NINH THỦY

Số 24 đại lộ Hậu-Giang

CHOLON



trang

## Thành tâm ghi nhận

- 1) ÔNG BÀ THÁI-THỨC-NHA
- 2) ÔNG BÀ C. V. HAI
- 3) ĐẠO HỮU ĐIỀU QUÝ LƯƠNG
- 4) ĐẠO HỮU TUẤN

# ÂN - NHÂN

của

AN-LAC tạp chí

giúp đỡ của quý vị:

(Saigon) Ân nhân vĩnh viễn

- 5000\$

Đ. VY (Saigon) 3000-

(Saigon) 2000-

(Còn tiếp)

Hy vọng mặt ban Quản trị tạp chí AN-LAC cầu nguyện  
vị và bảo quyền phước huệ tăng long.

**Quân nhiệm**

Đại đức THÔNG-BŨU

## Lưu ý

Chùa Quán Thế Âm không cử ai đi lạc quyền.

Mặc dù chương trình xây cất vẫn đang tiếp tục.

\*\*\*

Nếu quý vị gặp ai nhân danh chùa Quán Thế Âm đi lạc quyền xin giữ lại và báo cho quý cấp giáo hội địa phương.

...

*Giá sách bán lẻ vẫn*

*20 đồng mỗi số*

Lá lành  
đùm lá rách

Nghèo giúp nhau  
mới thảo.

Nghĩ như vậy nên AN  
LẠC số này xin dành  
50 phần trăm tiền  
lời để

**Giúp đồng  
bào Miền Tây  
bị bão lụt**